

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên Tổ chức : Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha
- Mã chứng khoán : ASP
 - Địa chỉ trụ sở chính : P.805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 03, đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại : 028 54136338 Fax: 028 54136340
 - Website : <https://anphapetrol.com> Email: hungnm@anphapetrol.com
 - Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trân trọng công bố thông tin về:
(1) Bộ tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha vào ngày 07/06/2024 tại đường dẫn <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Bộ tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



KOBAYASHI NAOKI



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Trụ sở chính: Phòng 805, Tầng 8 tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Q.7, TP. HCM
Giấy CNĐKDN số: 0303224471

Điện thoại: 028.54136338 – 028.54136339 Fax: 028.54136340 Website: anphapetrol.com



THƯ MỜI

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thường niên năm 2024 như sau:

1. **Thời gian Tổ chức đại hội:** 13 giờ 00 phút, Thứ 6 - ngày 28 tháng 06 năm 2024

Địa điểm họp: Trụ sở Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An pha – Phòng 805, Tầng 8 tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Quận 7, TP.HCM

2. **Nội dung đại hội:**

Tài liệu nội dung ĐHĐCD thường niên năm 2024 được Công ty đăng tải, cập nhật (nếu có) tại website: www.anphapetrol.com/quan-he-co-dong/ từ ngày **07/06/2024** và gửi bản in đến Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội.

3. **Đăng ký dự họp:**

Để chuẩn bị cơ sở vật chất đón tiếp Đại biểu, Quý Cổ đông vui lòng *Đăng ký tham dự Đại hội* tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoặc gửi *Giấy đăng ký dự họp* về địa chỉ dưới đây trước ngày **24/06/2024**.

4. **Ủy quyền tham dự đại hội:**

Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng điền vào mẫu *Giấy ủy quyền tham dự Đại hội* hoặc *Mẫu khác theo Quy định của pháp luật về dân sự* và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây trước ngày **24/06/2024** hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự Đại hội.

(Lưu ý: Giấy ủy quyền phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và phải có số lượng cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì Giấy ủy quyền phải có dấu của tổ chức ủy quyền).

5. **Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

- Địa chỉ: Phòng 805, Tầng 8 tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Q.7, TP.HCM
- Điện thoại: 028.54136338 – 028.54136339 – Fax: 028.54136340

Liên hệ: Ông Lại Văn Tú – Kế toán trưởng Tập đoàn – SĐT: 0918 540 466

6. **Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:**

- Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền (nếu có);
- Giấy CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu hoặc bản sao hợp lệ Giấy CNĐKDN của tổ chức.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(đã ký)

Hosokoji Yu



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Trụ sở chính: Phòng 805, Tầng 8 tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Q.7, TP.HCM
Điện thoại: 028.54136338 – 028.54136339 Fax: 028.54136340 Website: anhapetrol.com



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM:

- Thời gian: 13 giờ 00 phút, Thứ 6 - ngày 28 tháng 06 năm 2024
- Địa điểm: Trụ sở Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí Anpha – Phòng 805, Tầng 8 tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Quận 7, TP.HCM

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

Thời gian	Nội dung
13:00 – 13:30	Đón khách và kiểm tra tư cách đại biểu và cổ đông: <ul style="list-style-type: none">• Đón tiếp đại biểu và cổ đông;• Kiểm tra tư cách đại biểu, phát thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và tài liệu Đại hội.
13:30 – 13:45	Khai mạc Đại hội: <ul style="list-style-type: none">• Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;• Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa;• Thông qua Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử.• Chủ tọa giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tọa, Ban Kiểm phiếu;• Thông qua chương trình Đại hội;
13:45 – 14:00	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc trình bày các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none">• Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024.• Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024.• Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024.
14:00 – 14:30	Các nội dung từ trình Đại hội: <ul style="list-style-type: none">• Tờ trình báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 của Công ty đã kiểm toán;• Tờ trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2023;• Tờ trình thông qua chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;• Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị;• Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024;• Tờ trình giao dịch với bên có liên quan;• Tờ trình sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh Công ty;• Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;• Tờ trình Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027;• Tờ trình Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027;



Thời gian	Nội dung
	• Nội dung khác (nếu có).
14:30 – 14:45	Đại hội thảo luận
14:45 – 14:55	Hướng dẫn biểu quyết và Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình
14:55 – 15:15	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
15:15 – 15:20	Hướng dẫn bầu cử và tiến hành bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị
15:20 – 15:40	Nghỉ giải lao - Kiểm phiếu bầu cử
15:40 – 16:00	Công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử
16:00 – 16:10	Ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ; Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
16:10 – 16:15	Tuyên bố bế mạc Đại Hội.



DỰ THẢO**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA****Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng áp dụng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 05/04/2024 đều có quyền tham dự ĐHDCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

4.3 Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Đại biểu đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn chủ tọa gồm Chủ tọa và các Thành viên.
- Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập;
- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Thành viên hội đồng quản trị độc lập hoặc thành viên Hội đồng quản trị có chức danh cao nhất trong hoạt động quản lý, điều hành tại công ty điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 20 Điều lệ Công ty, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Thư ký Đại hội

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

4.7 Ban Kiểm phiếu

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử.
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa.

4.8 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban Kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

4.9 Phát biểu tại Đại hội

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

103
03
04
N
TP

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCD). Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu Bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.
- Hình thức biểu quyết như sau:
 - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử; Danh sách Đoàn chủ tọa; Nhân sự Ban Kiểm phiếu; Chương trình Đại hội; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024; Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024; Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024; Tờ trình báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 của Công ty đã kiểm toán; Tờ trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2023; Tờ trình thông qua chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024; Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị; Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024; Tờ trình giao dịch với bên có liên quan; Tờ trình sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh Công ty; Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Tờ trình Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027; Tờ trình Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027.

4.10.2 Cách thức biểu quyết

- o Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra và không có dấu tròn hiện hành của Công ty;
- Phiếu bị rách, gach, tẩy, xóa, sửa chữa;
- Phiếu không có chữ ký và ghi rõ họ tên của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp lệ;
- Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu dẫn đến việc Ban kiểm phiếu không xác định được ý kiến của người bỏ phiếu;
- Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ.

4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 05/04/2024) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 37.339.542 cổ phần tương đương với 37.339.542 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- Lưu ý:
 - Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất); các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
 - Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) giữa Công ty với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết/bầu cử

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4.11 Bầu cử Hội đồng quản trị

Việc bầu cử thành viên HĐQT phải được thực hiện theo Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội.

4.12 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

5. Thực hiện

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:

Y
V
JK
A
H

Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCD.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước .

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCD Công ty biểu quyết thông qua.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT**

Nơi nhận:

- ĐHĐCD;
- TV HĐQT, Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

HOSOKOJI YU



DỰ THẢO**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2023 – 2027
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA****Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha.

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt:

- Công ty : Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại đại hội:

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. Quy chế đề cử, ứng cử HĐQT:

- Số lượng thành viên HĐQT: 03 người
- Nhiệm kỳ: 2023 – 2027
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: không hạn chế

1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT: (theo Điều 25 Điều lệ công ty)

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị: *Ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/ND-CP)*

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT của tối đa 05 công ty khác.

IV. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.

V. Phương thức bầu cử:

- Danh sách ứng cử viên HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.
- Phương thức bầu cử: *(Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)*
 - Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.
 - Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu HĐQT. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Cách ghi Phiếu bầu cử:
 - ✓ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu;
 - ✓ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “**Bầu dồn đều phiếu**” của các ứng viên tương ứng.
 - ✓ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “**Số phiếu bầu**” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “**Bầu dồn đều phiếu**” vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “**Số phiếu bầu**”.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.
- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
 - Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
 - Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên cần bầu;
 - Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của các đại biểu lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
 - Không có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm phiếu và của đại diện cổ đông (nếu cần).
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với chủ toạ đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông của công ty.

VI. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

11/2/2024 10:30 AM

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

VII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT bao gồm:

- Văn bản đề cử, ứng cử.
- Lý lịch của người được đề cử (*theo mẫu*).
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).
- Văn bản cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải có nội dung cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị.

Người đề cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ xin gửi về Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trước **16 giờ 00 ngày 13 tháng 06 năm 2024** theo địa chỉ sau:

Văn phòng Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha
Địa chỉ: Phòng 805, Tầng 8 tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Quận 7, TP.HCM
Điện thoại: 028.54136338 – 028.54136339 Fax: 028.54136340

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử đề cử bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Quy chế này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HĐQT

Nơi nhận:

- DHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

HOSOKOJI YU



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness



GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2023 – 2027

Board of Directors Candidate Application (TERM 2023 – 2027)

(Áp dụng cho cổ đông/ Applies to shareholders)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

- Tôi/Chúng tôi ký tên dưới đây là:
Name of Nominator
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN số:
ID/Passport/License No
- Cấp ngày:
Date of Issuance
- Nơi cấp:
Place of Issuance
- Địa chỉ thường trú/trụ sở chính:
Permanent Address/Head office
- Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
Legal representative (for institution)
- Số cổ phần nắm giữ (tính đến 05/4/2024): cổ phần, tương đương % vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (ASP)
Number of shares owned (as of 05/04/2024) shares, equivalent to ...% of charter capital of ASP

Tôi/Chúng tôi đồng ý đề cử:

Hereby nominate

Ông/Bà:

Name of Nominee

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

ID/Passport No.



Cấp ngày:

Date of Issuance

Nơi cấp:

Place of Issuance

Địa chỉ thường trú:

Permanent Address

tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (ASP) nhiệm kỳ 2023 – 2027 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 28/6/2024.

As candidate for member of the Board of Directors of ASP for the term of 2023- 2027 at the Annual General Meeting of Shareholders in 2024 on June 26, 2024

Tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đề cử này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

I/we hereby take full responsibility for this nomination and commit to strictly comply with current regulations of the law and the Company Charter

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

Ho Chi Minh City,, 2024

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ
NOMINEE

CÓ ĐỒNG ĐỀ CỬ
NOMINATOR

Họ và tên: Full Name

Họ và tên: Full Name

Tài liệu đính kèm/Attachments:

- Bản cung cấp thông tin của ứng cử viên/*Curriculum vitae of Nominee*
- Văn bản cam kết của ứng cử viên/*Commitment letter of Nominee*
- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu, Bằng cấp của ứng cử viên/*Copy of ID card/Passport, Certificates of Nominee*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

Ho Chi Minh City, 2024

VĂN BẢN CAM KẾT

của Ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị

LETTER OF COMMITMENT

of the Nominee for Board of Directors' Member

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

To: The General Meeting of Shareholders of An Pha Petrol Joint Stock Company

- Tôi tên là:
Full name
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số:
ID/Passport No.
- Cấp ngày:
Date of Issuance
- Nơi cấp:
Place of Issuance
- Địa chỉ thường trú:
Permanent Address
- Được đề cử bởi cổ đông:
To be nominated by ...

Với vai trò là ứng cử viên vị trí thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha nhiệm kỳ 2023 - 2027 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Tôi xin cam đoan các thông tin đã cung cấp trong hồ sơ ứng cử là trung thực, chính xác.

As a nominee for member of the Board of Directors (BOD) of ASP for the term of 2023 - 2027 at the Annual General Meeting of Shareholders in 2024, I hereby certify that all information provided in the nomination/application file is true and accurate

Nếu trúng cử vào HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Being elected as member of the BOD of ASP, I commit to undertake to perform the duties honestly, cautiously and for the best interests of the Company

Trân trọng,

Best regards

ỨNG CỬ VIÊN / NOMINEE

Họ và tên/ Full Name

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

....., ngày tháng năm 2024

....., 2024

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ;
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam ;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ;

To: - *The State Securities Commission*
- *Vietnam Stock Exchange*
- *Ho Chi Minh Stock Exchange*

- Họ và tên /Full name:
- Giới tính/Gender:
- Ngày tháng năm sinh/Date of birth:
- Nơi sinh/Place of birth:
- Số CCCD/Hộ chiếu/ID/Passport No.:
Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue:
- Quốc tịch/Nationality:
- Dân tộc/Ethnic:
- Địa chỉ thường trú/Permanent address:
- Số điện thoại/Telephone number:
- Địa chỉ email/Email:
- Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/Organization's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/Current position in an institution subject to information disclosure Rules:
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in others companies:
- Số cổ phần ASP nắm giữ: cổ phần, chiếm% vốn điều lệ, trong đó:/Number of ASP shares in possession shares, accounting for% of charter capital, of which:

224
G. 1
PH
ND
PH

1. HC

- Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Possession on behalf of (State/strategic investor/other institution):*

- Cá nhân sở hữu/ *Owning by individual: cổ phần, chiếm% vốn điều lệ/ in possession: shares, accounting for% of charter capital*

15. Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other commitment of holding shares (if any):*

16. Trình độ chuyên môn/*Professional level:*

17. Quá trình làm việc/*Employment history:*

+ Từ ... đến ...:

+ Từ ... đến ...:

10/10/2024

18. Danh sách người có liên quan của người khai * / List of related persons of declarant:

STT No.	Mã CK Stock code	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relation ship with company/ internal person	Loại NSH (CMND/CCCD/Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents (ID/Passport/Pass near Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*Y/NSH No. No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address of Head office/Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Ratio of shares owned at the end of period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của Công ty/người nội bộ When becoming affiliated of Company/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của Công ty/người nội bộ When ceasing to be the affiliate of Company/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reason arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (f.c. not in possess on of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

* Bao gồm tất cả người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 – gồm cả trường hợp có sở hữu cổ phiếu và không có sở hữu cổ phiếu. Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019 – includes holding shares and non-holding shares

19. Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):*

20. Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Conflict interest with public company, public fund (if any):*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI KHAI / DECLARANT



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



Anpha Petrol®

**BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2023**

(35 ✦ 28)

THÁNG 06/2024



I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2023 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đối mặt với nhiều thách thức lớn, nhiều biến động và tính bất ổn cao. Các nước vừa trải qua đại dịch Covid-19 và trong giai đoạn phục hồi dẫn đến lạm phát lên cao xảy ra tại các nước lớn buộc các quốc gia này phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cạnh tranh thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc, xung đột giữa các quốc gia Trung Đông, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine, ..đã làm gia tăng rủi ro với tài chính toàn cầu, ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng hàng hóa.

Tại Việt Nam, đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh LPG (một ngành kinh doanh mà giá mua bán nguồn phụ thuộc giá CP thế giới có biến động tăng giảm lớn) do ảnh hưởng bởi dư chấn còn lại sau đại dịch Covid-19, ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới, ảnh hưởng của thị trường bất động sản, hạn chế vốn đầu tư của Ngân hàng Trung Ương, của các chính sách hạn chế rượu bia,.. dẫn đến hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp hết sức khó khăn.

Năm 2023, Công ty đối mặt với nhiều thuận lợi và khó khăn như sau:

1. Thuận lợi:

- Công ty vẫn giữ vững vị thế của mình trong ngành kinh doanh khí hóa lỏng LPG và các công ty con của Tập đoàn cũng đạt được một số thành tựu, tiêu biểu là thương hiệu “Gia đình gas” - Công ty TNHH Một thành viên Khí đốt Gia Đình tiếp tục đạt chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao 2023. Việc tiếp tục đạt được một Chứng nhận phổ biến và uy tín nhất thị trường nội địa, do chính tay người tiêu dùng Việt Nam đánh giá nhiều năm liên tiếp đã cho thấy được uy tín, chất lượng sản phẩm và độ tin cậy mà khách hàng đã gửi gắm vào Gia Đình Gas. Ngoài ra, cũng trong năm 2023 An Pha Petrol còn đạt chứng nhận 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam và chứng nhận 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do Vietnam report công bố.
- Sở hữu hệ thống cơ sở vật chất hoàn chỉnh và đồng bộ ở các khâu từ kho cảng, trạm nạp đến chuỗi cửa hàng bán lẻ cho người tiêu dùng.
- Tình hình tài chính vẫn giữ được sự ổn định, việc có được vị thế lớn giúp Công ty tiếp cận được nguồn vốn giá rẻ, lãi suất thấp từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, cũng như có được sự tin tưởng của đối tác lớn nhất trong việc cung cấp nguồn LPG là PVGas, E1.
- Ban lãnh đạo AnPha Petrol luôn chủ động nắm bắt các thông tin liên quan đến các yếu tố kinh tế vĩ mô và vĩ mô nhằm dự báo trước những khó khăn, thách thức cũng như nhận định các cơ hội từ đó đề ra phương hướng phù hợp, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được duy trì ổn định.

2. Khó khăn:

- Giá CP biến động lớn qua các tháng, cụ thể qua biểu đồ sau:



- Biểu đồ trên thể hiện sự tăng/giảm giá CP thế giới có độ chênh lệch rất cao ở các tháng đầu năm 2023 (từ mức Tháng 2: 790 USD đến tháng 7 chỉ còn 387,5 USD với mức tăng/giảm tương ứng trong chỉ trong 5 tháng 402,5 USD và đến cuối năm chỉ tăng lên 615 USD). Với sự biến động trên nếu không có sự nhanh nhạy và kinh nghiệm về bán hàng/xử lý tài chính thì rất dễ dẫn đến tình trạng thua lỗ do hàng tồn kho.
- Tình hình cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp chủ sở hữu vỏ bình gas, tình trạng chiếm dụng vỏ bình chưa được các cơ quan Quản lý nhà nước xử nghiêm nên ngày càng diễn biến gia tăng.
- Sự suy giảm nền kinh tế dẫn đến người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu cùng với ảnh hưởng của chính sách của Nhà nước hạn chế rượu bia dẫn đến Máng Khách hàng Horecca, khách hàng là các quán ăn bị suy giảm khách hàng dẫn đến suy giảm lượng tiêu thụ gas của các công ty thành viên tập đoàn.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

I. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị bao gồm 6 thành viên và đã tổ chức 11 cuộc họp. Cụ thể như sau:

Số Biên bản	Ngày họp	Nội dung cuộc họp
02/NQHĐQT-ASP/2023	27/02/2023	Chốt danh sách cổ đông mời họp.
03/NQHĐQT-ASP/2023	19/04/2023	Thông qua báo cáo KQKD năm 2022, dự kiến KQ quý 1/2023 và chương trình đại hội thường niên.
04/NQHĐQT-ASP/2023	20/06/2023	Thông qua sơ đồ tổ chức bộ máy hoạt động công ty.
05/NQHĐQT-ASP/2023	27/06/2023	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán (Mr. Kasahara); Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch UBKT (Mr. Shimbori) & Miễn nhiệm TV UBKT

Số Biên bản	Ngày họp	Nội dung cuộc họp
		(Mr. Tuấn)
07/2023/HĐQT.NQ-ASP	15/09/2023	Thông qua chủ trương ký kết Hợp đồng và Giao dịch với các bên liên quan
08/2023/HĐQT.NQ-ASP	17/10/2023	Bổ nhiệm Người Phụ trách Quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty
09/2023/HĐQT.NQ-ASP	24/10/2023	Thông qua kết quả sơ bộ về sản xuất kinh doanh 3 quý đầu 2023, dự kiến kết quả quý 4 năm 2023 và Chỉ tiêu định hướng năm 2024
10/2023/HĐQT.NQ-ASP	04/12/2023	Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung và cử người đại diện quản lý phần vốn góp.
11/2023/HĐQT.NQ-ASP	12/12/2023	Thông qua chủ trương thoái vốn đầu tư của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha tại Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vi Na
12/2023/HĐQT.NQ-ASP	18/12/2023	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung từ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải
13/2023/HĐQT.NQ-ASP	27/12/2023	Thông qua việc giao dịch chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha tại Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung và nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang.

2. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã ban hành 11 Nghị quyết và 11 Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, quyết định phê duyệt, quyết định khác. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2023, thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ giám sát hoạt động của HĐQT theo đúng quy định điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
- Về kết quả đánh giá chung hoạt động của HĐQT như sau:
 - ✓ HĐQT Công ty đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đúng các quy định đối với Công ty niêm yết. Các cuộc họp của HĐQT được

triệu tập kịp thời và thực hiện theo các trình tự quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Các nội dung cuộc họp đều được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cân trọng để đưa ra những giải pháp đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.

- ✓ Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, có chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự họp.

4. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác:

Kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2023

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	So sánh	
					TH2023/ KH2023	TH2023/ TH2022
Sản lượng LPG	Tấn	178.400	260.000	199.348	76,67%	111,74%
Doanh thu thuần	Tỷ đ	4.082	5.000	3.723	74,46%	91,21%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	13,687	50,000	(84,201)	- 168,40%	- 615,19%

Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu 2023

- Trong năm 2023, các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đều không đạt như kế hoạch đã đặt ra.
- Trong quá trình điều hành, Ban Điều hành đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán cũng như các quyết định của HĐQT.

5. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, thù lao Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

DVT: Đồng/tháng

Chức vụ	Thù lao	Chi phí Hoạt động	Các lợi ích khác
Chủ tịch HĐQT	0 VND	0 VND	0 VND
Thành viên HĐQT	0 VND	0 VND	0 VND

Chức vụ	Thù lao	Chi phí Hoạt động	Các lợi ích khác
Tổng cộng	0 VNĐ	0 VNĐ	0 VNĐ
Tổng cộng đã chi trong năm 2023	0 VNĐ	0 VNĐ	0 VNĐ

6. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

- **Đối với công tác quản trị nội bộ**, HĐQT Công ty sẽ tập trung rà soát sửa đổi toàn diện các văn bản quản trị công ty đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành bao gồm Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán nội bộ, Quy chế Công bố thông tin và các quy chế, quy định nội bộ khác. Bên cạnh đó, HĐQT Công ty đã thuê đơn vị tư vấn độc lập có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm để đồng hành tư vấn đối với công tác quản trị nội bộ Công ty và công tác Công bố thông tin trong thời gian tới.
- **Đối với định hướng chiến lược phát triển**, HĐQT Công ty tiếp tục triển khai các đề án phát triển kinh doanh theo định hướng "TÂM NHÌN GAS ONE 2045" về phát triển kinh doanh LPG đứng đầu thị phần Việt Nam.
- **Đối với công tác quản trị hoạt động tài chính và đầu tư**, HĐQT Công ty sẽ tập trung rà soát, đánh giá hiệu quả các khoản đầu tư mua bán sáp nhập trong giai đoạn trước đây và đề xuất các phương án tái cấu trúc các khoản đầu tư nhằm đảm bảo an toàn vốn đầu tư và tối ưu hóa hiệu quả đầu tư tài chính cho Công ty. Ngoài ra, HĐQT Công ty sẽ xây dựng các giải pháp cụ thể và lộ trình khắc phục tình trạng mất cân đối hiện nay của Công ty.
- **Đối với công tác giám sát hoạt động Ban Tổng Giám đốc**, HĐQT Công ty sẽ tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc theo định kỳ và đột xuất, thông qua các bộ công cụ hiện tại của Công ty về Quy chế quản trị công ty và các tổ chuyên môn do HĐQT Công ty lập. Bên cạnh đó, HĐQT Công ty thông qua Ủy ban kiểm toán nội bộ sẽ tăng cường công tác giám sát và yêu cầu giải trình đối với Ban Tổng Giám đốc để nâng cao trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong điều hành kinh doanh.

III. BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH

1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	NQ HĐQT/DHĐCB	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch (Triệu đồng)
1	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con	07/2023/HĐQT. NQ-ASP	Hợp đồng mua bán LPG; Hợp đồng Thuê kho; Hợp đồng thuê vỏ bình gas	687.626
2	Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Công ty con	07/2023/HĐQT. NQ-ASP	Hợp đồng mua bán LPG; Hợp đồng thuê vỏ bình gas	391.232
3	Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty con	07/2023/HĐQT. NQ-ASP	Hợp đồng mua bán LPG; Hợp đồng Thuê kho	145.154

2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không phát sinh

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ủy ban kiểm toán thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của Hội đồng quản trị đồng thời thực hiện giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của Hội đồng quản trị cũng như cơ chế phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

V. CÁC NỘI DUNG KHÁC

- Tháng 05/2024, HĐQT Công ty đã họp thống nhất việc bãi nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Trần Minh Loan và bổ nhiệm Tổng Giám đốc đối với ông Kobayashi Naoki.
- Ngoài ra, HĐQT Công ty đã họp thống nhất và ban hành các Nghị quyết về việc thay đổi sơ đồ tổ chức và thay đổi nhân sự ở một số chức danh chủ chốt như Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Người quản trị công ty.

Trên đây là báo cáo tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT**

HOSOKOJI YU





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Anpha Petrol®

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP
NĂM 2023

CS ◆ BC

THÁNG 06/2024

I. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN (UBKT) NĂM 2023

1. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

UBKT bao gồm 2 thành viên và đã tổ chức các cuộc họp như dưới đây. Các Thành viên UBKT tham dự đầy đủ các cuộc họp của UBKT, đồng thời phân công thành viên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Cuộc họp đã lập biên bản: (Buổi làm việc phối hợp giữa UBKT và Ban kiểm soát nội bộ của Saisan): 1 cuộc họp.
- Các cuộc họp giữa UBKT và công ty kiểm toán: UBKT đã cử người đại diện cho UBKT làm việc với CPA để tiến hành hoạt động kiểm toán BCTC của công ty.
- Các cuộc họp giữa UBKT, Ban kiểm soát nội bộ Saisan với phụ trách kinh doanh và Kế toán của Tập đoàn: định kỳ 1 tháng/lần về tiến độ thu hồi công nợ

2. Kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán

Để chuẩn bị cho sự thay đổi công ty kiểm toán vào năm 2024, chúng tôi đã ký hợp đồng tư vấn với Công ty Kiểm toán E&Y. Đối với những vấn đề được nêu trong báo cáo tư vấn của Công ty Kiểm toán E&Y, Tập đoàn Alpha cần tìm hiểu rõ nội dung và có biện pháp lập báo cáo tài chính đúng đắn.

Từ năm 2024, Ủy ban kiểm toán kiến nghị thay đổi công ty kiểm toán độc lập mới thay thế cho công ty hiện tại để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty, bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty, công ty thành viên và báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán:

Chức vụ	Thù lao	Chi phí Hoạt động	Các lợi ích khác
Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	0 VNĐ	0 VNĐ	0 VNĐ
Thành viên Ủy ban kiểm toán	0 VNĐ	0 VNĐ	0 VNĐ
Tổng cộng	0 VNĐ	0 VNĐ	0 VNĐ
Tổng cộng đã chi trong năm 2023	0 VNĐ	0 VNĐ	0 VNĐ

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Kết quả giám sát báo cáo tài chính

- Vào tháng 3 năm 2024, công ty kiểm toán CPA đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023. Trong báo cáo kiểm toán năm 2023, số tiền 59.045.852.273 đồng từ việc bán lợi

thể thương mại của Bình Minh được ghi nhận là thu nhập khác và CPA đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

- Hơn nữa, ý kiến kiểm toán ngoại trừ số tiền thu được từ việc bán lợi thể thương mại của Bình Minh không thể được ghi nhận là doanh thu.
- Chúng tôi tin rằng báo cáo kiểm toán năm 2023 đã được kiểm toán hợp lý, ngoại trừ báo cáo tài chính ghi nhận việc bán lợi thể thương mại của Bình Minh.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Công ty

- UBKT đồng thuận với Báo cáo đánh giá hoạt động quản trị của HĐQT và Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban điều hành về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Trong bối cảnh diễn biến còn nhiều khó khăn, phức tạp của nền kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng, với sự biến động tỷ giá, gia tăng lãi suất, các chi phí đầu vào đều tăng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến kết quả hoạt động năm 2023 vẫn chưa hoàn thành chỉ tiêu chính mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã giao.

3. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty

UBKT đã xem xét BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, UBKT đánh giá như sau:

- Các chỉ số tài chính phù hợp với tình hình hoạt động của công ty, không có chỉ số tài chính nào biến động bất thường
- Không phát hiện gian lận hay sai sót trọng yếu
- Các chính sách kế toán và ước tính kế toán không thay đổi so với cùng kỳ năm trước.

III. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

- Hệ thống tài liệu quản lý của Công ty đã được xây dựng theo nguyên tắc phù hợp với quy định pháp luật, yêu cầu và nguyên tắc quản trị của Công ty; đã được truyền thông đến toàn thể người lao động để nắm vững và thực hiện.
- Hoạt động đánh giá rủi ro được thực hiện định kỳ, được theo dõi và giám sát liên tục nhằm kịp thời ứng phó với các rủi ro mới phát sinh.
- Các quy trình nghiệp vụ được ban hành, cập nhật, hướng dẫn thực hiện và quản lý bởi đơn vị chuyên trách. Việc tuân thủ các quy trình được thực hiện tốt và có xu hướng tích cực.

0303
CÔNG
CỔ
ĐỘC
LẬP
AN
7-TP

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Qua kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh năm 2023, Ủy ban kiểm toán nhận thấy Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể như sau:

1. Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị

Về hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2023, thành viên HĐQT độc lập nhận định chung như sau:

- HĐQT Công ty đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đúng các quy định đối với Công ty niêm yết. Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập kịp thời và thực hiện theo các trình tự quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Các nội dung cuộc họp đều được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cân trọng để đưa ra những định hướng và giải pháp đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.
- Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, có chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự họp.

2. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác

- Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã được Ban TGD tổ chức triển khai kịp thời, đúng yêu cầu. Công tác quản lý, điều hành có sự linh hoạt nhưng cũng mang tính cẩn trọng, cần thiết.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

244
3 T
HÀN
10/01
PH
HỒ C

V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ỦY BAN KIỂM TOÁN VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG.

1. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc

- UBKT đã thiết lập sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, ban TGD trong việc thực hiện chức năng giám sát và kiểm toán nội bộ
- HĐQT và Ban TGD đã tạo điều kiện thuận lợi để UBKT thực hiện chức năng, nhiệm vụ; được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động công ty.
- UBKT đã chủ động tham gia các cuộc họp của HĐQT phát sinh trong năm.

2. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán các cổ đông

- UBKT luôn duy trì trạng thái sẵn sàng tiếp nhận, xử lý và phản hồi các yêu cầu, đề nghị chính đáng của Quý vị cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, ban TGD hoặc các khía cạnh khác trong Công ty khi có yêu cầu.

VI. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC GIAO DỊCH:

1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	NQ HĐQT/BHĐCĐ	Tính chất giao dịch	Giá trị
					giao dịch
					(Triệu đồng)
1	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con	07/2023/HĐQT. NQ-ASP	Hợp đồng mua bán LPG; Hợp đồng Thuê kho; Hợp đồng thuê vỏ bình gas	687.626
2	Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Công ty con	07/2023/HĐQT. NQ-ASP	Hợp đồng mua bán LPG; Hợp đồng thuê vỏ bình gas	391.232
3	Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty con	07/2023/HĐQT. NQ-ASP	Hợp đồng mua bán LPG; Hợp đồng Thuê kho	145.154

Ngoài các giao dịch liên quan đến việc chi trả thù lao, tiền lương và các chế độ phúc lợi

khác theo phê duyệt của ĐHĐCĐ, theo thẩm quyền của HĐQT và các quy định khác của công ty thì UBKT ghi nhận trong năm 2023 giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Ban TGD và những người liên quan không phát sinh bất kỳ giao dịch trọng yếu đặc biệt nào khác. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Các công ty liên quan đều thuộc danh sách các đối tượng đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua chủ trương về việc ký kết các hợp đồng, giao dịch có liên quan. Các giao dịch đều phục vụ cho công tác kinh doanh, hoạt động tài chính, không có các giao dịch bất thường hay vi phạm các quy định của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

VII. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Định hướng hoạt động của UBKT trong năm 2024 như sau:

- Phát huy tinh thần trách nhiệm để tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và hoàn thành mục tiêu của UBKT đúng theo Quy chế hoạt động của UBKT; hoàn thành các nhiệm vụ khác do HĐQT giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.
- Tăng cường giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty; kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện các mục tiêu, kế hoạch.
- Thực hiện thẩm định BCTC quý, bán niên và BCTC năm theo quy định; phối hợp với HĐQT, Ban TGD cùng các đơn vị trong Công ty để cải tiến, nâng cao hoạt động kiểm soát nội bộ của Công ty.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động của các đơn vị trong Công ty và đưa ra kiến nghị nhằm hoàn thiện quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của Công ty.

Trên đây là báo cáo năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua!

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

SHIMBORI TOSHIYUKI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



Anpha Petrol®

**BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NĂM 2023**

OS ⚡️

THÁNG 06/2024

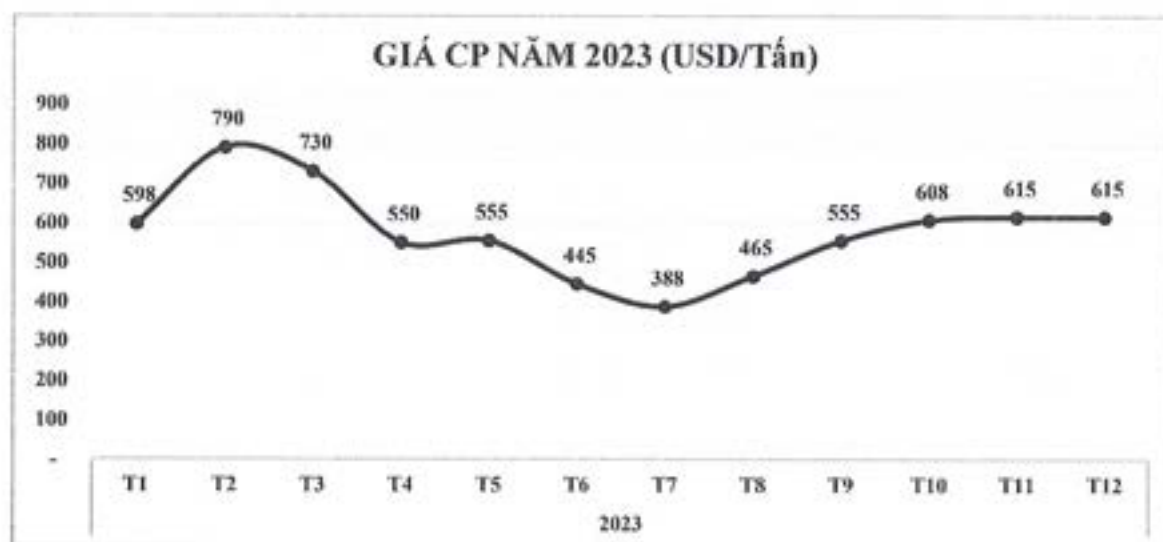


I. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**1. Tình hình chung****❖ Khó khăn:**

- Tình hình kinh tế, chính trị thế giới nói chung có nhiều bất ổn và khó khăn suy thoái. Kinh tế Việt Nam cũng chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ tình hình vĩ mô thế giới, đặc biệt các ngành về sản xuất và xuất khẩu chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, chưa có dấu hiệu phục hồi. Vì vậy, tổng mức tiêu thụ LPG toàn thị trường giảm mạnh, đặc biệt ở phân khúc khách hàng sản xuất sử dụng LPG trực tiếp tại các Khu công nghiệp.
- Bên cạnh đó, các chính sách điều hành của Nhà nước về siết chặt xử phạt người có nồng độ cồn không được lái xe tham gia giao thông đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh nhà hàng quán ăn, ảnh hưởng trực tiếp làm giảm sản lượng mảng HORECA của Công ty.
- Trong năm 2023, mức lãi suất vay ngắn hạn tiếp tục duy trì ở mức cao, bình quân khoảng 7%/năm và chỉ điều chỉnh giảm ở hai tháng cuối năm về dưới 4%. Công ty An Pha có dư nợ vay cao, vì vậy mức lãi suất vay ngắn hạn như trên ảnh hưởng tiêu cực lên kết quả kinh doanh chung của công ty.
- Bên cạnh đó, tỷ giá VND/USD tăng cao và khó dự đoán, từ khoảng 23.600 các tháng đầu năm lên trên 24.700 vào cuối năm. Công ty An Pha đơn vị nhập khẩu LPG trực tiếp, vì vậy diễn biến tỷ giá như trên làm phát sinh chi phí tài chính về đánh giá chênh lệch tỷ giá, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.



- Trong năm 2023, giá CP biến động tăng giảm rất lớn qua các tháng, ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Công ty. Cụ thể, giá CP tháng 2 tăng hơn 190\$/tấn so với tháng 1, sau đó giảm liên tục xuống dưới 387,5\$/tấn vào tháng 7, và duy trì mức tăng liên tục hơn 200\$/tấn vào cuối năm. Biến động giá CP như trên dẫn đến việc Công ty An Pha phải triển khai các gói hỗ trợ, bao giá phát sinh để hỗ trợ thị trường và giữ sản lượng, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh.



❖ **Thuận lợi:**

- Các thương hiệu của Công ty như Gia Định Gas, Gia Định Gas và hệ thống bán lẻ Gas Bình Minh có độ bao phủ và nhận diện tốt trên thị trường, được công nhận là thương hiệu chất lượng, có uy tín cao, được Người tiêu dùng trên cả nước tin dùng trong thời gian dài hơn 25 năm qua.
- Nhận được sự hỗ trợ của cổ đông lớn SaiSan Nhật Bản về mặt tài chính và kinh nghiệm quản trị công ty, phát triển kinh doanh LPG đối với khách hàng Công nghiệp trực tiếp, HORECA.
- Công ty sở hữu đội ngũ nhân sự quản lý có nhiều kinh nghiệm điều hành kinh doanh trong ngành LPG tại Việt Nam, có khả năng phân tích dự đoán sự biến đổi của thị trường và xây dựng các giải pháp kinh doanh phù hợp, mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TẬP ĐOÀN

DVT: VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2022
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.828.566.252.123	4.116.613.290.412
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	105.873.416.118	34.545.353.546
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.722.692.836.005	4.082.067.936.866
4.	Giá vốn hàng bán	3.330.814.800.504	3.700.181.202.431
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	391.878.035.501	381.886.734.435
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	14.664.127.973	9.686.461.634
7.	Chi phí tài chính	71.329.582.126	54.312.769.222
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>39.511.685.191</i>	<i>33.369.589.644</i>
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(1.237.814.446)	5.620.579.090
9.	Chi phí bán hàng	275.867.289.568	273.852.726.352
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	182.943.723.971	110.728.026.266
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(124.836.246.637)	(41.699.746.681)
12.	Thu nhập khác	67.634.216.941	65.015.547.100
13.	Chi phí khác	14.657.990.787	966.170.168
14.	Lợi nhuận khác	52.976.226.154	64.049.376.932
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(71.860.020.483)	22.349.630.251
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.804.884.413	12.996.153.381
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	9.535.817.626	(4.333.641.530)
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(84.200.722.522)	13.687.118.400
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(83.431.904.385)	1.514.241.102
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(768.818.137)	12.172.877.298
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.234)	41

II. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Tình hình chung năm 2024

❖ Khó khăn

- Trong năm 2024, lãi suất vay ngắn hạn dự kiến thấp hơn năm 2023 khoảng 2%/năm, nhưng vẫn duy trì ở mức cao trên 5%/năm, ảnh hưởng tiêu cực khiến chi phí lãi vay của Công ty vẫn duy trì mức cao.



- Từ đầu năm 2024 đến tháng 05/2024, tỷ giá liên tục tăng mạnh hơn 1.000 điểm, dẫn đến phát sinh chi phí tài chính chênh lệch tỷ giá, đối với lượng hàng LPG nhập khẩu.
- Giá CP liên tục giảm từ đầu năm và diễn biến phức tạp không theo quy luật, khi đầu tháng giảm sâu và điều chỉnh cuối tháng. Với diễn biến như vậy, Công ty phát sinh nhiều chi phí hỗ trợ giá để hỗ trợ thị trường, giữ sản lượng và thị phần.
- Những tổn động sản xuất kinh doanh của năm 2023 ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của năm 2024, đặc biệt 06 tháng đầu năm, đặc biệt tổn động công nợ phải thu khó đòi.

❖ Thuận lợi

- Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam có dấu hiệu phục hồi. Nhu cầu tiêu thụ LPG bắt đầu tăng trưởng trở lại khi các nhà máy trong các Khu công nghiệp đi vào hoạt động với công suất lớn hơn so với năm 2023.
- Công ty tiếp tục nhận sự hỗ trợ của cổ đông lớn SaiSan Nhật Bản về mặt tài chính và ứng dụng kinh nghiệm quản trị công ty trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty luôn nhận được sự tin tưởng của nhà cung cấp LPG và hệ thống các khách

hàng thân thiết, tạo ra sự ổn định tương đối bền vững trong hệ thống kinh doanh LPG.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2024

Từ những khó khăn - thuận lợi trên, Công ty đề ra phương hướng SXKD năm 2024 như sau:

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

STT	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2023	KH 2024	
				Giá trị	%/2023
1	Doanh thu	Tỷ đồng	3.723	3.414	91,72%
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	199.348	160.000	80,26%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(84.201)	9.000	
4	Cổ tức	%	0%	0%	

3. Một số giải pháp thực hiện

Trong năm 2024, với những khó khăn và thuận lợi nhất định, mục tiêu kiên định và quan trọng nhất của Công ty là kết quả kinh doanh phải có lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu trên, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra một số giải pháp cụ thể sau:

- **Thứ nhất**, về tăng hiệu suất sử dụng tài sản và cơ sở hạ tầng của Công ty, Ban TGD đã xây dựng các phương án cấu trúc lại các cơ sở hạ tầng kho trạm và tài sản Công ty theo hướng tinh gọn và nâng cao năng suất sử dụng, để tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh. Những hạng mục cơ sở hạ tầng và tài sản dư thừa được cho thuê hoặc thanh lý để thu hồi vốn đầu tư, tránh tình trạng lãng phí, thất thoát tài sản.
- **Thứ hai**, về tăng hiệu quả kinh doanh LPG, Ban TGD đã xây dựng đồng bộ các giải pháp nhằm đảm bảo giá vốn đầu vào cạnh tranh, để vừa hỗ trợ thị trường tăng sản lượng và vừa đảm bảo kinh doanh có lợi nhuận. Cụ thể, Ban TGD đã làm việc với nhà cung cấp để cấu trúc lại các nguồn nhập đầu vào đảm bảo giá cạnh tranh và nhập vừa đủ để đảm bảo mức tồn kho tối thiểu, tránh tác động tiêu cực khi giá CP giảm.
- **Thứ ba**, về tăng trưởng sản lượng kinh doanh đi đôi lợi nhuận, Ban TGD đã cùng đội ngũ kinh doanh của Tập đoàn, công ty thành viên xây dựng các phương án kinh doanh mới nhằm mục tiêu tái khởi động hoạt động phát triển thị trường cho các phân khúc có lợi nhuận gộp tốt như khách hàng bán buôn, bán lẻ hộ gia đình, công nghiệp và HORECA. Ngoài ra, Ban TGD đã khởi động lại các chương trình chăm sóc khách hàng như bảo trì bảo dưỡng hệ thống LPG, và các chương trình marketing để tăng độ nhận diện thương hiệu Công ty trên thị trường.

- **Thứ tư**, về tinh gọn bộ máy điều hành tiết giảm chi phí nhân sự, Ban TGD đã đề xuất HĐQT các phương án cấu trúc lại bộ máy điều hành của Tập đoàn và công ty thành viên theo hướng tinh gọn để tiết giảm tối đa chi phí nhân sự, nhưng đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh không bị ảnh hưởng.
- **Thứ năm**, về nâng cao hiệu quả đầu tư và quản trị rủi ro tài chính, Ban TGD đã rà soát đánh giá về hiệu quả của các khoản đầu tư về mua bán sáp nhập và sẽ đề xuất các phương án cấu trúc công ty liên kết phù hợp định hướng phát triển công ty trong thời gian tới, đảm bảo an toàn và hiệu quả nguồn vốn đầu tư. Bên cạnh đó, Ban TGD đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn phối hợp xây dựng các phương án quản lý và thu hồi công nợ nhằm đảm bảo không phát sinh công nợ xấu khó đòi. Ngoài ra, Ban TGD đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn triển khai các thủ tục pháp lý theo đúng quy định pháp luật để thu hồi các công nợ tồn đọng từ năm 2023 trở về trước.

Trên đây là báo cáo tóm tắt hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc và phương hướng hoạt động năm 2024.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua!

TỔNG GIÁM ĐỐC

KOBAYASHI NAOKI



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 48

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)
Ông Trần Minh Loan	Thành viên (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên độc lập (Bầu bổ sung ngày 19/4/2023)
Ông Hosokoji Yu	Thành viên (Trúng cử ngày 19/4/2023)
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên (Hết nhiệm kỳ ngày 19/4/2023)
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Shimbori Toshiyuki	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/6/2023)
Ông Yasuyoshi Kasahara	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 27/6/2023)
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên (Từ ngày 27/6/2023)
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/6/2023)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/4/2023)
Ông Hosokoji Yu	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/4/2023, kiêm nhiệm Giám đốc Ban kinh tế từ ngày 03/01/2024)
Ông Trương Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh (Bổ nhiệm từ ngày 03/01/2024)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 7.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Minh Loan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số: 133/2024/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, được lập ngày 29/3/2024, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn 327.230.993.979 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ 14.519.266.266 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 1.554.886.271 VND. Giả định về hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo tiền từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, và các khoản tín dụng được tài trợ từ các ngân hàng thương mại. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Đàm Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5445-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.106.258.345.833	981.242.251.165
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	142.119.853.420	60.258.002.252
1. Tiền	111		142.119.853.420	23.841.803.986
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	36.416.198.266
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.200.000.000	90.614.277.028
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	70.200.000.000	90.614.277.028
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		841.467.730.277	796.862.504.645
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	748.100.498.672	586.372.379.279
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	32.271.478.763	57.311.795.497
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	58.275.000.000	140.065.782.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	8.600.393.560	13.112.547.869
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(5.779.640.718)	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	51.020.782.795	29.686.992.522
1. Hàng tồn kho	141		51.020.782.795	29.686.992.522
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.449.979.341	3.820.474.718
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.254.040.610	1.599.778.489
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		195.938.731	2.220.696.229
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		863.676.900.325	870.163.583.085
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.651.346.001	31.466.842.001
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	18.337.320.000	22.337.320.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	15.314.026.001	9.129.522.001
II. Tài sản cố định	220		14.434.754.006	10.782.879.850
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	372.960.247	966.297.268
- Nguyên giá	222		2.508.895.818	2.473.923.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.135.935.571)	(1.507.625.823)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	14.061.793.759	9.816.582.582
- Nguyên giá	228		19.301.309.578	12.102.192.578
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.239.515.819)	(2.285.609.996)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.015.150.000	5.268.300.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	3.015.150.000	5.268.300.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		720.054.254.246	733.517.579.377
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2	669.824.076.007	667.996.076.007
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	111.940.555.625	94.056.055.625
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(61.710.377.386)	(28.534.552.255)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		92.521.396.072	89.127.981.857
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	92.521.396.072	89.127.981.857
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.969.935.246.158	1.851.405.834.250

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023


NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.499.065.589.812	1.366.016.911.638
I. Nợ ngắn hạn	310		1.433.489.339.812	1.203.457.131.638
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	743.130.983.404	611.598.478.861
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.390.924.168	3.700.673.164
4. Phải trả người lao động	314		322.226.724	386.588.847
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	1.457.795.824	2.793.534.749
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	17.531.556.393	1.085.991.254
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	669.636.979.391	583.872.990.855
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		18.873.908	18.873.908
II. Nợ dài hạn	330		65.576.250.000	162.559.780.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	65.576.250.000	162.559.780.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		470.869.656.346	485.388.922.612
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	470.869.656.346	485.388.922.612
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95.734.358.130	110.253.624.396
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		110.253.624.396	98.792.607.468
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(14.519.266.266)	11.461.016.928
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.969.935.246.158	1.851.405.834.250


Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


 Lại Văn Tú - 2024-03-31 23:34:48


 Lại Văn Tú - 2024-03-31 23:34:48




Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Trần Minh Loan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023


CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.708.895.376.634	2.951.802.019.480
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	6.774.304.611	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	2.702.121.072.023	2.951.802.019.480
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.610.960.866.516	2.894.767.533.543
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		91.160.205.507	57.034.485.937
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	18.355.820.847	20.134.677.310
7. Chi phí tài chính	22	6.4	78.162.526.700	27.246.005.941
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.349.065.084	34.528.810.407
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	10.393.433.456	11.715.811.076
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	34.212.276.411	22.920.337.515
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		(13.252.210.213)	15.287.008.715
11. Thu nhập khác	31	6.6	90.250.000	7.067.000
12. Chi phí khác	32	6.6	-	186.220.555
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	90.250.000	(179.153.555)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(13.161.960.213)	15.107.855.160
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.357.306.053	3.646.838.232
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(14.519.266.266)	11.461.016.928


Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


 Lai Văn Tú - 2024-04-01 07:50:58


 Lai Văn Tú - 2024-03-31 23:34:48



Lai Văn Tú

Lai Văn Tú

Trần Minh Loan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(13.161.960.213)	15.107.855.160
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		3.582.215.571	2.988.604.322
- Các khoản dự phòng	03		38.955.465.849	(14.741.277.165)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(117.189.697)	2.646.950.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.405.458.071)	(19.900.216.346)
- Chi phí lãi vay	06		38.349.065.084	34.528.810.407
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		51.202.138.523	20.630.726.378
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(101.021.732.816)	(104.360.132.582)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(21.333.790.273)	(18.603.623.703)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		115.977.816.872	(22.125.537.890)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.047.676.336)	(27.186.155.639)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(39.684.804.009)	(33.925.043.307)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.646.838.232)	(4.141.826.922)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(1.554.886.271)	(189.711.593.665)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.732.914.727)	(6.620.551.741)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(130.000.000.000)	(240.035.919.413)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		200.097.209.713	315.825.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(19.712.500.000)	(32.400.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.199.645.350	21.847.480.637
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		64.851.440.336	58.616.009.483



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		2.264.383.071.107	2.738.780.905.921
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.245.793.832.571)	(2.690.956.096.150)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.881.130)	(20.104.428.175)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		18.562.357.406	27.720.381.596
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		81.858.911.471	(103.375.202.586)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		60.258.002.252	163.633.204.838
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.939.697	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	142.119.853.420	60.258.002.252

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú - 2024-04-01 07:50:58

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú - 2024-03-31 23:34:48

Lại Văn Tú



Trần Minh Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 13 người (tại ngày 31/12/2022 là 14 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

H.Đ.N.
CỘNG
HÒA
KIỂM
CPA V
HỒ H

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,57%	98,57%	98,57%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Định	Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần MT Gas	Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	67,56%	67,56%	67,56%
4	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Tổ 92, Lô 8 A1.1, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	80,00%	80,00%	80,00%
5	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	79 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%	97,99%
6	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Số 34A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	51,00%	51,00%	51,00%
Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)						
6	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%	99,99%
7	Công ty TNHH MTV Minh Gia	Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty liên kết						
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	826 Đường An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất bình Gas	35,00%	35,00%	35,00%
2	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Xóm 2, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Mua bán khí dầu mô hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
3	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Số 26, ngõ 29, phố Vinh Tuy, Phường Vinh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mô hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
4	Công ty TNHH Khí dầu mô hóa lỏng Be Ta Gas	Số 01, KP 2, Xa Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Mua bán khí dầu mô hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
5	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Áp 3, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mô hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
6	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Số 456C/8, Khu phố Nội Hóa 1, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mô hóa lỏng (LPG)	35,00%	35,00%	35,00%
7	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	số 133/1A Đỗ Xuân Hợp, Khu phố 2, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mô hóa lỏng (LPG)	20,00%	20,00%	20,00%
8	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Tầng 3, Khu dịch vụ Sân bay Gia Lâm, Đường Đàm Quang Trung, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội	Mua bán khí dầu mô hóa lỏng (LPG)	33,00%	33,00%	33,00%
9	Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	168 Nguyễn Sắc Kim, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mô hóa lỏng (LPG)	40,54%	40,54%	40,54%



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

4.1 Giả định về hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn 327.230.993.979 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ 14.519.266.266 VND, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 1.554.886.271 VND. Giả định về hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo tiền từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, và các khoản tín dụng được tài trợ từ các ngân hàng thương mại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.1 Giả định về hoạt động liên tục (Tiếp theo)

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tái cấu trúc các khoản đầu tư không hiệu quả, cụ thể, trong năm 2023, Công ty đã lên kế hoạch chuyển nhượng các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết hoạt động không hiệu quả, nhằm thu hồi vốn đầu tư và giảm bớt áp lực về quản lý;
- Tiết giảm chi phí hoạt động, trong đó bao gồm tinh giảm nhân sự tại tất cả Ban chuyên môn của Công ty, chủ động trả các mặt bằng đang thuê mà không sử dụng hết công năng;
- Công ty tiếp tục duy trì được các khoản tín dụng với các ngân hàng thương mại nhằm đảm bảo khả năng thanh toán nợ đến hạn.

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

4.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4.3 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh riêng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.5 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)

b. Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của chính Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2023.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

4.7 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c. Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.7 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

d. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.8 Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.9 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

4.10 Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Số năm

04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.10 Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

4.11 Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

4.12 Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

4.13 Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

4.14 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

a. Chi phí bảo lãnh phát hành

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

b. Tiền thuê tài sản trả trước

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động (bao gồm văn phòng Công ty, kho bãi sử dụng cho việc bán hàng, kinh doanh) mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.14 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)

c. Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

d. Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

e. Chi phí vỏ bình gas

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

4.15 Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.16 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.

4.17 Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuế tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.18 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4.19 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.20 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các sản phẩm liên quan đến nhà bếp), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

a. Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

0101
10 T
1111
TOÁN
ETNA
101

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.20 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

c. Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

d. Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4.21 Nguyên tắc kế toán giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

4.22 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.23 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**4.25 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	568.151.029	1.111.898.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	141.551.702.391	22.729.905.957
Các khoản tương đương tiền	-	36.416.198.266
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	36.416.198.266
Tổng	142.119.853.420	60.258.002.252

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	70.200.000.000	70.200.000.000	90.614.277.028	90.614.277.028
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	70.200.000.000	70.200.000.000	90.614.277.028	90.614.277.028
Tổng	70.200.000.000	70.200.000.000	90.614.277.028	90.614.277.028

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất áp dụng từ 5,0%/năm đến 8,7%/năm. Trong , tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên Hà Nội với giá trị là 30.000.000.000 VND được cầm cố thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trình bày tại Thuyết minh số 5.18.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)					
	Tỷ lệ							
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con								
Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	98,57%	98,57%	669.824.076.007	(i)	(50.433.615.673)	667.996.076.007	(i)	(21.032.995.011)
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Định	100,00%	100,00%	443.340.459.992	(i)	(26.753.409.324)	443.340.459.992	(i)	(11.475.494.539)
Công ty Cổ phần MT Gas (ii)	67,56%	67,56%	35.699.374.780		-	35.699.374.780		-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	80,00%	80,00%	18.400.000.000	(i)	-	18.400.000.000	(i)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	97,99%	97,99%	28.249.000.000	(i)	(19.598.000.000)	28.249.000.000	(i)	(9.557.500.472)
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang (iii)	51,00%	51,00%	1.828.000.000	(i)				

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**

	31/12/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Tỷ lệ Vốn năm giữ biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con (trang trước chuyên sang)		669.824.076.007	(50.433.615.673)	667.996.076.007	(21.032.995.011)	
Đầu tư vào Công ty liên kết		111.940.555.625	(11.276.761.713)	94.056.055.625	(7.501.557.244)	
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina (iv)	35,00%	10.725.395.625	(i)	10.725.395.625	(i)	
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	1.470.000.000	(i)	1.470.000.000	(i)	
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang (iii)		-	-	1.372.000.000	-	
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	49,00%	2.385.320.000	(i)	2.385.320.000	(i)	
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lông Be Ta Gas	49,00%	7.513.340.000	(i)	7.513.340.000	(i)	
Công ty TNHH LPG Tiên Phát	49,00%	2.940.000.000	(i)	2.940.000.000	(i)	
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lông Hoàng Anh	35,00%	13.650.000.000	(i)	13.650.000.000	(i)	
Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	20,00%	34.000.000.000	(i)	34.000.000.000	(i)	
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	33,00%	20.000.000.000	(i)	20.000.000.000	(i)	
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung (v)	40,54%	19.256.500.000	(i)	-	-	
Tổng		781.764.631.632	(61.710.377.386)	762.052.131.632	(28.534.552.255)	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 31/12/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.
- (ii) Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MT Gas bằng giá đóng cửa của cổ phiếu Công ty Cổ phần MT Gas (mã chứng khoán: MTG) trên sàn UpCOM nhân (x) số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ tại ngày 29/12/2023. Cụ thể, tại ngày 29/12/2023, giá đóng cửa của cổ phiếu MTG là 8.900 VND/cổ phiếu, số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ là 4.256.280 cổ phiếu.
- (iii) Công ty nhận chuyển nhượng 2% vốn góp để nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH Vinh Quang từ 49% lên 51% theo Nghị quyết số 13/2023/HĐQT.NQ-ASP ngày 27/12/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty.
- (iv) Công ty có chủ trương thoái vốn tại Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vi Na theo Nghị quyết số 11/2023/HĐQT.NQ-ASP ngày 12/12/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty. Tại ngày Báo cáo tài chính riêng, các thủ tục để chuyển nhượng vốn đầu tư đang được tiến hành.
- (v) Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung theo Nghị quyết số 0412/2023/TB CBTT - ASP ngày 04/12/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các giao dịch và số dư trọng yếu của Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.3.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	748.100.498.672	586.372.379.279
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	133.924.543.706	51.109.150.513
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	258.046.867.677	283.583.570.041
Công ty Cổ Phần Năng Lượng An Phú	53.736.393.628	52.495.323.902
Công ty Cổ phần MT Gas	41.758.210.595	30.989.152.251
Công ty Cổ Phần Gas Thủ Đức	-	33.340.053.764
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	44.663.787.190	17.226.688.132
Công ty TNHH Sopot Gas One	9.222.990.120	6.257.807.491
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	24.910.519.726	20.478.848.857
Công ty TNHH Hyosung Quảng Nam	-	4.678.385.250
Công ty TNHH Hải Linh	8.188.096.600	8.237.417.200
Phải thu các đối tượng khác	173.649.089.430	77.975.981.878
Tổng	748.100.498.672	586.372.379.279

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	5.779.640.718	5.779.640.718
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	24.995.000.000	50.200.000.000
Các đối tượng khác	1.496.838.045	1.332.154.779
Tổng	32.271.478.763	57.311.795.497
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>	<i>24.995.000.000</i>	<i>50.200.000.000</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>		

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	58.275.000.000	140.065.782.000
Ông Nguyễn Thế Giáp (i)	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh (ii)	47.400.000.000	130.815.782.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (iii)	4.275.000.000	6.650.000.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải (vii)	4.000.000.000	-
Dài hạn	18.337.320.000	22.337.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (iv)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang (v)	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (vi)	8.217.320.000	8.217.320.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải (vii)	-	4.000.000.000
Tổng	76.612.320.000	162.403.102.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu về cho vay từ các bên liên quan</i>	<i>70.012.320.000</i>	<i>155.803.102.000</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>		

- (i) Khoản cho Ông Nguyễn Thế Giáp vay theo hợp đồng số 26/2019/HĐVT/ASP-NTG ngày 16/5/2019 với số tiền là 2.600.000.000 VND. Lãi suất 5%. Thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh vay theo Hợp đồng số 2602/2021/HĐCV/ASP-BM ngày 26/02/2021, lãi suất tiền vay là 3,4%/năm, được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Thời hạn vay: được gia hạn theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn ngày 26/02/2023, kéo dài đến hết ngày 25/05/2024.
- (iii) Khoản cho Công ty TNHH LPG Tiến Phát vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0104/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 01/4/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng cho kỳ đầu từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021, lãi suất các kỳ sau được điều chỉnh ngày 1 tháng 1 hàng năm dương lịch.
- (iv) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.
- (v) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023

5.5 Phải thu về cho vay (Tiếp theo)

- (vi) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TDP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.
- (vii) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giảng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên.

5.6 Phải thu khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	8.600.393.560	-	13.112.547.869	-
Phải thu ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
Saisan Co., Ltd. - Phải thu tiền thuế TNCN nộp hộ (ii)	3.618.721.101	-	4.689.142.555	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1.690.421.417	-	2.484.608.696	-
Phải thu ông Phạm Huy Hoàng	-	-	213.360.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	799.364.418	-	4.235.128.786	-
Ký cược, ký quỹ	692.027.000	-	1.088.500.000	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa	1.807.833	-	1.807.832	-
Phải thu khác	1.398.051.791	-	-	-
Dài hạn	15.314.026.001	-	9.129.522.001	-
Ký cược, ký quỹ	3.349.026.000	-	3.164.522.000	-
Phải thu Ông Trần Quốc Bửu (iii)	1.185.000.001	-	1.185.000.001	-
Phải thu uỷ thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa (iv)	4.780.000.000	-	4.780.000.000	-
Ông Ngô Mạnh Hùng (v)	6.000.000.000	-	-	-
Tổng	23.914.419.561	-	22.242.069.870	-

Trong đó

Phải thu ngắn hạn khác là

các bên

12.306.287.574

6.294.375.477

liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

- (i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.
- (ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd. sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường
 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023

5.6 Phải thu khác (Tiếp theo)

- (iii) Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.
- (iv) Công ty ủy quyền cho Ông Vũ Thanh Hòa thực hiện mua 16% cổ phần của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina.
- (v) Công ty ủy quyền cho Ông Ngô Mạnh Hùng đại diện đầu tư vào dự án xây dựng kho chứa LPG tại Khu công nghiệp VSIP Nghệ An theo Hợp đồng Ủy thác đầu tư ngày 18/12/2023. Thời gian ủy thác là 2 năm, kể từ ngày 21/12/2023 đến ngày 21/12/2025.

5.7 Nợ xấu

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản trước cho người bán ngắn hạn	5.779.640.718	-	-	-
Tổng	5.779.640.718	-	-	-

Chi tiết thời gian quá hạn của các khoản nợ phải thu như sau:

	Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	Quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	-	-	-	5.779.640.718
Tổng	-	-	-	5.779.640.718

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	51.020.782.795	-	29.686.992.522	-
Tổng	51.020.782.795	-	29.686.992.522	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	1.254.040.610	1.599.778.489
Chi phí bảo lãnh phát hành	662.608.447	892.043.375
Chi phí thuê văn phòng và kho bãi	359.865.423	308.805.855
Chi phí đào tạo nâng cao nghiệp vụ bán hàng	-	366.658.836
Các khoản khác	231.566.740	32.270.423
Dài hạn	92.521.396.072	89.127.981.857
Chi phí mua vỏ chai LPG (i)	85.450.676.063	85.970.375.188
Chi phí thuê	6.973.600.000	3.001.680.000
Các khoản khác	97.120.009	155.926.669
Tổng	93.775.436.682	90.727.760.346

(i) Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.473.923.091	2.473.923.091
Tăng trong năm	34.972.727	34.972.727
Mua trong năm	34.972.727	34.972.727
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	2.508.895.818	2.508.895.818
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	1.507.625.823	1.507.625.823
Tăng trong năm	628.309.748	628.309.748
Khấu hao trong năm	628.309.748	628.309.748
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	2.135.935.571	2.135.935.571
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	966.297.268	966.297.268
Tại ngày 31/12/2023	372.960.247	372.960.247

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	12.102.192.578	12.102.192.578
Tăng trong năm	7.199.117.000	7.199.117.000
Mua trong năm	2.697.942.000	2.697.942.000
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.501.175.000	4.501.175.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>19.301.309.578</u>	<u>19.301.309.578</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.285.609.996	2.285.609.996
Tăng trong năm	2.953.905.823	2.953.905.823
Khấu hao trong năm	2.953.905.823	2.953.905.823
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>5.239.515.819</u>	<u>5.239.515.819</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	<u>9.816.582.582</u>	<u>9.816.582.582</u>
Tại ngày 31/12/2023	<u>14.061.793.759</u>	<u>14.061.793.759</u>

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án Xây Dựng tập huấn và triển khai Ứng dụng di động	3.015.150.000	5.268.300.000
Tổng	<u>3.015.150.000</u>	<u>5.268.300.000</u>

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	590.787.961.237	590.787.961.237	607.682.055.422	607.682.055.422
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	100.266.415.888	100.266.415.888	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	52.076.606.279	52.076.606.279	3.916.423.439	3.916.423.439
Tổng	<u>743.130.983.404</u>	<u>743.130.983.404</u>	<u>611.598.478.861</u>	<u>611.598.478.861</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường
 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
Phải nộp	3.700.673.164	6.814.884.954	9.124.633.950	1.390.924.168
Thuế giá trị gia tăng	-	3.260.079.444	3.260.079.444	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.646.838.232	1.357.306.053	3.646.838.232	1.357.306.053
Thuế thu nhập cá nhân	53.834.932	662.617.637	682.834.454	33.618.115
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	1.530.881.820	1.530.881.820	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.457.795.824	2.793.534.749
Tổng	1.457.795.824	2.793.534.749

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Kinh phí công đoàn	3.442.605	5.483.656
Bảo hiểm y tế	-	1.678.093
Cổ tức phải trả	885.420.764	912.301.894
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đức Hải (i)	15.092.864.789	-
Phải trả, phải nộp khác	1.549.828.235	166.527.611
Tổng	17.531.556.393	1.085.991.254

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

15.092.864.789

-

(i) Khoản tạm ứng về hoàn trả vốn đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đức Hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023 (VND)		Biến động trong năm (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn	669.636.979.391	669.636.979.391	2.335.540.571.107	2.249.776.582.571	583.872.990.855	583.872.990.855
<i>Vay ngắn hạn</i>	598.479.479.391	598.479.479.391	2.264.383.071.107	2.210.840.762.571	544.937.170.855	544.937.170.855
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	200.617.319.893	200.617.319.893	1.393.158.280.353	1.423.256.229.455	230.715.268.995	230.715.268.995
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (ii)	262.215.690.140	262.215.690.140	564.114.040.937	498.152.017.358	196.253.666.561	196.253.666.561
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	135.646.469.358	135.646.469.358	307.110.749.817	289.432.515.758	117.968.235.299	117.968.235.299
Saisan Co., Ltd.	-	-	-	-	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	71.157.500.000	71.157.500.000	71.157.500.000	38.935.820.000	38.935.820.000	38.935.820.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội (iv)	6.320.000.000	6.320.000.000	6.320.000.000	-	-	-
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (v)	9.750.000.000	9.750.000.000	9.750.000.000	8.881.200.000	8.881.200.000	8.881.200.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (vi)	55.087.500.000	55.087.500.000	55.087.500.000	30.054.620.000	30.054.620.000	30.054.620.000
b) Vay dài hạn	65.576.250.000	65.576.250.000	-	96.983.530.000	162.559.780.000	162.559.780.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội (iv)	19.020.000.000	19.020.000.000	-	10.980.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (v)	4.875.000.000	4.875.000.000	-	9.963.800.000	14.838.800.000	14.838.800.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (vi)	41.681.250.000	41.681.250.000	-	76.039.730.000	117.720.980.000	117.720.980.000
Tổng	735.213.229.391	735.213.229.391	2.335.540.571.107	2.346.760.112.571	746.432.770.855	746.432.770.855

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Hợp Đồng tín dụng tuân hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019, bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ hai ngày 01/3/2021:
 - Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh; trong đó, tổng dư nợ của các khoản vay không vượt quá 15.500.000 USD tại mọi thời điểm;
 - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
 - Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động;
 - Lãi suất: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biến cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biến là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
 - Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu: 28/2/2022. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
 - Biện pháp bảo lãnh: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.
- (ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/021/19, và Thông báo gia hạn ngày 15/3/2023 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:
 - Hạn mức tín dụng: Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
 - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
 - Lãi suất vay: 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng.
 - Mục đích của hợp đồng tín dụng : Tài trợ vốn lưu động chung và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
 - Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2023 đến ngày 15/3/2024, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.
 - Biện pháp bảo đảm: khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:
 - Hạn mức tín dụng là 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;
 - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
 - Mục đích : Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay. Điều kiện đảm bảo: Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng. Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;
 - Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.

19/1
H T Y
AN NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (iv) Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội số 01/2022/3112950/HĐTD ngày 27/12/2022:
 - Số tiền cho vay: 145.000.000.000 VND;
 - Mục đích của khoản vay: Đầu tư dự án vỏ bình gas;
 - Thời hạn vay: 5 năm;
 - Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn theo quy định của BIDV từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay trong hạn;
 - Thời hạn rút vốn: Vốn vay được rút một lần hoặc nhiều lần nhưng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực;
 - Lịch trả nợ gốc: Khoản vay được trả trong 20 kỳ (mỗi kỳ 03 tháng) vào ngày 25 của tháng cuối cùng mỗi Quý: tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm;
 - Biện pháp bảo đảm: cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03/2022/3112590/HDTG ngày 30/11/2022 với số tiền 30.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2022/3112590/HĐBĐ ngày 01/12/2022;
- (v) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020:
 - Số tiền cho vay: 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);
 - Mục đích của khoản vay: cho vay tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
 - Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
 - Phương thức trả nợ: Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.
 - Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
 - Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (vi) Vay Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) theo các hợp đồng sau:
 - Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020:*
 - Số tiền cho vay: 8.400.000 USD;
 - Mục đích của khoản vay: tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
 - Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
 - Ngày hoàn trả đầu tiên: 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên.
 - Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
 - Khoản vay không có tài sản đảm bảo.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.17 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyamanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 20/01/2021:

- Số tiền cho vay: 2.900.000 USD;
- Mục đích của khoản vay: tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 26/02/2021. Ngày hoàn trả cuối cùng: 26/02/2026;
- Ngày hoàn trả đầu tiên: 31/8/2021. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên, mỗi lần 290.000 USD;
- Lãi suất: 2,38%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần;
- Biện pháp bảo đảm: Khoản vay không có tài sản đảm bảo;

5.18 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	117.462.378.468	492.597.676.684
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	11.461.016.928	11.461.016.928
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.669.771.000)	(18.669.771.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	110.253.624.396	485.388.922.612
Số dư tại ngày 01/01/2023	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	110.253.624.396	485.388.922.612
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(14.519.266.266)	(14.519.266.266)
Số dư tại ngày 31/12/2023	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	95.734.358.130	470.869.656.346

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	179.984.260.000	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	21.881.000.000	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	171.534.030.000	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
Tổng	37.339.929	100,00%	373.399.290.000	37.339.929	100,00%	373.399.290.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu được mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.19 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng**a. Nợ đã xóa**

	Số nợ đã xóa		Thời điểm xóa nợ
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND	
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	1.300.000.000	1.300.000.000	Năm 2021
Tổng	1.300.000.000	1.300.000.000	

Công ty xóa nợ do các khoản công nợ phải thu đã quá hạn trên 03 năm, các biện pháp thu hồi nợ đã được áp dụng nhưng vẫn không thu hồi được nợ.

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
Nguyên tệ		
USD	4.340,17	-
Tương đương VND	105.773.014	-

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ****a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán LPG	2.687.010.055.533	2.933.209.799.906
Doanh thu cho thuê vỏ bình gas	13.426.573.800	12.766.879.800
Doanh thu cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	8.428.938.210	5.825.339.774
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	29.809.091	-
Tổng	2.708.895.376.634	2.951.802.019.480

Trong đó:

Doanh thu với các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

1.945.434.569.886 *2.261.024.938.959*

b. Giảm trừ doanh thu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chiết khấu thương mại	6.774.304.611	-
Tổng	6.774.304.611	-

10191
CÔNG TY
HỢP
TOÁN
VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)**c. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán LPG	2.680.235.750.922	2.933.209.799.906
Doanh thu cho thuê vỏ bình gas	13.426.573.800	12.766.879.800
Doanh thu cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	8.428.938.210	5.825.339.774
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	29.809.091	-
Tổng	2.702.121.072.023	2.951.802.019.480

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán LPG	2.590.891.494.885	2.878.540.624.597
Giá vốn cho thuê vỏ bình gas	13.071.699.125	12.019.597.805
Giá vốn cho thuê bồn chứa, trạm chiết gas và các dịch vụ khác liên quan	6.967.863.415	4.207.311.141
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác	29.809.091	-
Tổng	2.610.960.866.516	2.894.767.533.543

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.205.458.071	13.182.216.346
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.200.000.000	6.718.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.788.281.459	234.460.964
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	117.189.697	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	44.891.620	-
Tổng	18.355.820.847	20.134.677.310

Trong đó:

Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan 6.655.735.465 12.440.556.177

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	38.349.065.084	34.528.810.407
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.637.636.485	4.811.522.699
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản có gốc tiền tệ cuối năm	-	2.646.950.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	33.175.825.131	(14.741.277.165)
Tổng	78.162.526.700	27.246.005.941

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí bán hàng	10.393.433.456	11.715.811.076
Chi phí nhân viên	16.939.000	-
Chi phí thuê kho hàng, nhập hàng	4.470.184.248	4.553.421.571
Chi phí bảo lãnh mua hàng	5.409.819.290	4.663.067.528
Chi phí dịch vụ mua ngoài	496.490.918	2.499.321.977
Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.212.276.411	22.920.337.515
Chi phí nhân viên quản lý	6.808.951.464	8.242.210.886
Chi phí vật liệu quản lý	191.211.431	197.717.313
Chi phí đồ dùng văn phòng	100.389.712	30.969.331
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.582.215.571	2.988.604.322
Thuế phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	5.779.640.718	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.977.747.967	5.373.164.433
Chi phí bằng tiền khác	11.768.119.548	6.083.671.230
Tổng	44.605.709.867	34.636.148.591

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý công cụ dụng cụ	90.250.000	-
Các khoản khác	-	7.067.000
Tổng	90.250.000	7.067.000
Chi phí khác		
Chi phí khác	-	186.220.555
Tổng	-	186.220.555
Lợi nhuận khác	90.250.000	(179.153.555)

Trong đó:

Thu nhập khác với bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

71.250.000

-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(13.161.960.213)	15.107.855.160
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>21.151.430.173</i>	<i>9.844.335.998</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>2.049.906.871</i>	<i>342.111.759</i>
<i>Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020</i>	<i>19.101.523.302</i>	<i>9.502.224.239</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.202.939.697)	(6.718.000.000)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm</i>	<i>(2.939.697)</i>	
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>(1.200.000.000)</i>	<i>(6.718.000.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	6.786.530.263	18.234.191.158
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.786.530.263	18.234.191.158
<i>Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm	1.357.306.053	3.646.838.232
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.357.306.053	3.646.838.232

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	291.601.143	228.686.644
Chi phí nhân công	6.808.951.464	8.242.210.886
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.582.215.571	2.988.604.322
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.678.255.747	27.820.518.135
Chi phí khác bằng tiền	11.772.119.548	6.087.671.230
Tổng	40.133.143.473	45.367.691.217

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty Cổ phần MT Gas, một Công ty con của Công ty trong năm 2023, đã thực hiện thành công đợt tăng vốn điều lệ trong đợt phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ từ ngày 05/01/2024 đến ngày 01/02/2024. Sau khi Công ty MT Gas tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu riêng lẻ, tỷ lệ sở hữu cổ phần và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty MT Gas giảm từ 67,56% xuống 40,7%. Do vậy, kể từ ngày 28/02/2024, Công ty MT Gas không còn là Công ty con của Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Các cam kết**

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Năm thứ nhất	6.459.336.000	5.866.560.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.848.208.000	12.915.360.000
Tổng	17.307.544.000	18.781.920.000

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia đình	Công ty con trực tiếp
3	Công ty Cổ phần Thương Mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp
4	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	Công ty con gián tiếp
5	Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty con trực tiếp
6	Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha	Công ty con trực tiếp
7	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Công ty con trực tiếp
8	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
9	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
10	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết
11	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết
13	Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lực Mỹ Phước	Công ty con của Công ty liên kết
14	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
15	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Công ty liên kết
16	Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)
17	Công ty TNHH Vinh Quang	Công ty liên kết
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Người có liên quan của Công ty đại chúng
19	Công ty TNHH Sopet Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng
20	Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác tại Công ty, và những thành viên thân cận trong gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác****Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch	-	-
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên HĐQT (từ ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Hosokoji Yu	Thành viên HĐQT (từ ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên HĐQT (đến ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Trần Minh Loan	Thành viên HĐQT	-	72.000.000
Tổng		-	72.000.000

Thù lao của thành viên Ủy ban kiểm toán (i)

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Yasuyoshi Kasahara	Chủ tịch (đến ngày 27/6/2023)	-	-
Ông Shimbori Toshiyuki	Chủ tịch (từ ngày 27/6/2023)	-	-
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên (đến ngày 27/6/2023)	-	-
Tổng		-	-

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-ASP ngày 19/4/2023, Công ty không chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ủy ban Kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3,
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc	507.573.717	593.410.615
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Hosokoji Yu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm cán bộ phụ trách kinh doanh	628.018.483	-
Ông Trần Duy Luân	Giám đốc tài chính (từ ngày 10/7/2023)	359.612.500	-
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Nguyên thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm Trưởng phòng kế toán	613.990.171	750.654.017
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	483.260.792	543.207.631
Ông Vũ Thanh Hòa	Người phụ trách công bố thông tin	756.430.767	915.366.962
Ông Ngô Mạnh Hùng	Thư ký, người phụ trách quản trị Công ty	-	-
Tổng		3.348.886.430	2.802.639.225



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng				
Công ty Cổ phần MT Gas Saisan Co., Ltd.	Công ty con trực tiếp Cổ đồng lớn	Phí gửi kho LPG, chi phí vận hành, Phí bảo hiểm	18.357.673.053 1.482.801.906	31.321.560.087 791.309.153
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Chi phí khác	197.246.539	199.128.062
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	Mua và chai LPG	4.125.624.608	1.126.176.696
		Mua LPG	12.552.000.000	29.023.200.000
			-	181.746.176
Bán hàng				
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con trực tiếp	Bán LPG, cho thuê bãi, vỏ chai	1.945.434.569.886	2.261.024.938.959
Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha	Công ty con trực tiếp	Bán LPG, cho thuê vỏ chai	687.626.300.096	915.337.180.375
Công ty Cổ phần MT Gas	Công ty con trực tiếp	Bán LPG, cho thuê nhà kho	391.231.740.830	585.935.189.526
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Bán LPG	143.813.263.127	148.081.195.064
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thành	Công ty con gián tiếp	Bán LPG	54.934.807.830	71.950.863.033
			41.082.273.123	61.555.547.560
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Bán LPG	4.730.187.720	14.531.223.430
Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lực Mỹ Phước	#N/A	Bán LPG	-	1.621.840.117
Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	Công ty liên kết	Bán LPG	210.654.872.920	229.806.633.127
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	Bán LPG	118.383.018.571	166.380.266.727
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Bán LPG	1.030.251.206	-
Công ty TNHH Sopot Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng	Bán LPG	82.730.545.750	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Người có liên quan của Công ty đại chúng	Bán LPG	184.809.805.816	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	Bán LPG	24.407.502.897	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023		Năm 2022	
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính						
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	6.655.735.465	12.440.556.177		
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Lãi cho vay	5.079.495.122	5.317.869.192		
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Lợi nhuận được chia	376.240.343	404.686.985		
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	-	4.518.000.000		
			1.200.000.000	2.200.000.000		
Thu nhập khác			71.250.000	-		
Saisan Co., Ltd.	Cổ đồng lớn	Xuất bán vỏ chai LPG	71.250.000	-		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****c. Số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	613.674.169.292	439.102.548.419
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	133.924.543.706	51.109.150.513
Công ty Cổ Phần MT Gas	258.046.867.677	283.583.570.041
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	41.758.210.595	30.989.152.251
Chi nhánh Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn - Nhà máy Sản xuất Bình áp Lục Mỹ Phước	2.236.971.257	8.839.764.762
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	-	150.869.169
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	28.892.655.888	34.499.367.347
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - Chi nhánh Ngọn Lửa Thần	49.642.042.138	3.703.501.930
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hạ Nội	12.192.272.493	5.748.323.549
Công ty TNHH Sopot Gas One	24.910.519.726	20.478.848.857
Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại An Toàn	9.222.990.120	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	44.663.787.190	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.183.308.502	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	24.995.000.000	50.200.000.000
	24.995.000.000	50.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khác ngắn hạn	12.306.287.574	6.294.375.477
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	858.660.274	1.174.169.223
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	29.046.575	31.063.699
Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	146.088.589	-
Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	846.044.536	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas Saisan Co., Ltd.	407.726.499	-
Ông Lại Văn Tú	3.618.721.101	4.689.142.555
Ông Ngô Mạnh Hùng	400.000.000	400.000.000
	6.000.000.000	-
	Người phụ trách quản trị Công ty	
Phải thu về cho vay	70.012.320.000	155.803.102.000
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	47.400.000.000	130.815.782.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	4.275.000.000	6.650.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	8.217.320.000	8.217.320.000
Phải trả khác ngắn hạn	15.092.864.789	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	15.092.864.789	-
	Công ty con trực tiếp	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.4. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú - 2024-04-01 07:50:58

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú - 2024-03-31 23:34:48



Trần Minh Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 60

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)
Ông Trần Minh Loan	Thành viên (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên độc lập (Bầu bổ sung ngày 19/4/2023)
Ông Hosokoji Yu	Thành viên (Trùng cử ngày 19/4/2023)
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên (Hết nhiệm kỳ ngày 19/4/2023)
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên (Tái đắc cử ngày 19/4/2023)

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Shimbori Toshiyuki	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/6/2023)
Ông Yasuyoshi Kasahara	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 27/6/2023)
	Thành viên (Từ ngày 27/6/2023)
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/6/2023)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/4/2023)
Ông Hosokoji Yu	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/4/2023, kiêm nhiệm Giám đốc Ban kinh tế từ ngày 03/01/2024)
Ông Trương Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh (Bổ nhiệm từ ngày 03/01/2024)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 7.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Minh Loan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

010/P
CÔNG TY
NHỮNG
KIỂM TOÁN
VIỆT NAM
IA NỘ

Số: 134/2024/BCKTHN-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được lập ngày 29/3/2024, từ trang 06 đến trang 60 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 6.8, Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh - một Công ty con của Công ty, ghi nhận thu nhập khác từ chuyển nhượng mảng kinh doanh khách hàng hộ gia đình với giá trị là 59.045.852.273 VND theo Hợp đồng số 01/2023/BMG-PT/LTKD ngày 22/12/2023, tuy nhiên, sau đó Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh đã ký kết Hợp đồng mua lại tài sản đã bán số 01/2023/BMG-PT/LTKD ngày 27/3/2024. Do vậy, việc ghi nhận thu nhập khác đối với giao dịch chuyển nhượng nêu trên trong năm 2023 là chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác. Do đó, nếu ghi nhận phù hợp, trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, chỉ tiêu "Thu nhập khác" và chỉ tiêu "Lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm đi 59.045.852.273 VND. Đồng thời, trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" sẽ giảm đi 90.839.772.728 VND; khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" sẽ tăng lên với giá trị là 31.793.920.455 VND; và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này" sẽ giảm đi với giá trị 59.045.852.273 VND.

Chúng tôi chưa nhận được đầy đủ các Biên bản đối chiếu công nợ đối với các khoản công nợ của các Công ty con của Công ty, trong đó bao gồm: phải thu ngắn hạn của khách hàng với giá trị là 32.006.901.200 VND, trả trước cho người bán ngắn hạn với giá trị là 7.774.692.953 VND, phải thu ngắn hạn khác với giá trị là 22.595.605.589 VND, phải thu dài hạn khác với giá trị là 15.278.688.693 VND, phải trả người bán ngắn hạn với giá trị là 15.676.570.897 VND, phải trả ngắn hạn khác với giá trị là 20.493.565.751 VND, phải trả dài hạn khác với giá trị là 11.562.188.000 VND. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với tình hiện hữu đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả này, các khoản dự phòng cần trích lập theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán. Do đó, Chúng tôi không thể xác định được số liệu cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty hay không.

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha - một Công ty con của Công ty, tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trên số dư nợ phải thu khách hàng với giá gốc là 49.271.889.737 VND, số đã trích lập là 49.271.889.737 VND. Tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các căn cứ mà Ban Giám đốc đã sử dụng để ước tính giá trị dự phòng này. Với những tài liệu Công ty cung cấp, chúng tôi không thể xác định được việc trích lập dự phòng này có hợp lý hay không, cũng như ảnh hưởng của việc này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2023, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn 337.946.743.698 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ 84.200.722.522 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo tiền từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, và các khoản tín dụng được tài trợ từ các ngân hàng thương mại. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Đàm Tuấn Anh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5445-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	MS	TM	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.309.627.181.665	1.097.024.480.300
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	215.989.245.836	122.733.445.778
1. Tiền	111		215.989.245.836	86.317.247.512
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	36.416.198.266
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		71.400.000.000	90.614.277.028
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	71.400.000.000	90.614.277.028
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		890.473.498.514	745.293.619.310
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	836.463.678.770	637.379.083.237
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	43.743.078.758	62.292.904.664
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	10.875.000.000	9.250.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	80.789.598.644	42.289.051.860
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(81.406.748.296)	(5.926.311.089)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		8.890.638	8.890.638
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	100.305.631.204	83.809.113.672
1. Hàng tồn kho	141		100.305.631.204	83.809.113.672
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.458.806.111	54.574.024.512
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	7.116.771.351	8.926.119.357
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.930.707.547	45.184.612.782
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	411.327.213	463.292.373
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		962.228.479.381	1.006.044.347.374
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		144.890.766.348	76.568.341.203
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	13.737.320.000	22.337.320.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	131.153.446.348	54.231.021.203
II. Tài sản cố định	220		174.060.025.958	128.753.653.906
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	90.301.207.090	46.384.292.762
- Nguyên giá	222		272.854.342.370	212.347.723.809
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(182.553.135.280)	(165.963.431.047)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	83.758.818.868	82.369.361.144
- Nguyên giá	228		100.674.511.926	93.431.426.926
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.915.693.058)	(11.062.065.782)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.015.150.000	5.268.300.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	3.015.150.000	5.268.300.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		83.330.523.753	104.235.758.592
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	81.416.523.753	87.895.758.592
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	18.254.000.000	16.340.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.11	(16.340.000.000)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		556.932.013.322	691.218.293.673
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	544.752.264.660	662.134.838.009
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.14	2.913.715.613	3.143.847.775
3. Lợi thế thương mại	269	5.15	9.266.033.049	25.939.607.889
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.271.855.661.046	2.103.068.827.674



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	MS	TM	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.881.448.429.012	1.612.685.896.983
I. Nợ ngắn hạn	310		1.647.573.925.363	1.376.492.455.907
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	891.382.434.199	708.972.856.596
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.081.595.413	4.035.574.874
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	13.848.214.203	26.246.077.740
4. Phải trả người lao động	314		8.938.846.232	5.470.645.176
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	1.886.779.433	3.227.561.214
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	37.457.997.812	27.200.259.090
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	690.415.924.269	600.777.347.415
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		562.133.802	562.133.802
II. Nợ dài hạn	330		233.874.503.649	236.193.441.076
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.26	11.278.453.028	12.518.453.024
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	130.356.115.157	61.115.208.052
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	82.934.250.000	162.559.780.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.14	9.305.685.464	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		390.407.232.034	490.382.930.691
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	390.407.232.034	490.382.930.691
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(14.917.352.286)	85.676.643.611
- LNST chưa phân phối lũy kế				
- đến cuối kỳ trước	421a		68.514.552.099	84.162.402.509
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(83.431.904.385)	1.514.241.102
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		30.189.286.104	29.570.988.864
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.271.855.661.046	2.103.068.827.674

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lai Văn Tú - 2024-04-01 08:32:24

Lai Văn Tú



Lai Văn Tú - 2024-04-01 08:32:24

Lai Văn Tú



Trần Minh Loan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.828.566.252.123	4.116.613.290.412
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	105.873.416.118	34.545.353.546
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	3.722.692.836.005	4.082.067.936.866
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	3.330.814.800.504	3.700.181.202.431
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		391.878.035.501	381.886.734.435
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	14.664.127.973	9.686.461.634
7. Chi phí tài chính	22	6.6	71.329.582.126	54.312.769.222
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.511.685.191	33.369.589.644
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.237.814.446)	5.620.579.090
9. Chi phí bán hàng	25	6.7	275.867.289.568	273.852.726.352
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	182.943.723.971	110.728.026.266
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(124.836.246.637)	(41.699.746.681)
12. Thu nhập khác	31	6.8	67.634.216.941	65.015.547.100
13. Chi phí khác	32	6.8	14.657.990.787	966.170.168
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.8	52.976.226.154	64.049.376.932
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(71.860.020.483)	22.349.630.251
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	2.804.884.413	12.996.153.381
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	9.535.817.626	(4.333.641.530)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(84.200.722.522)	13.687.118.400
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(83.431.904.385)	1.514.241.102
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(768.818.137)	12.172.877.298
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	(2.234)	41

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú - 2024-04-01 08:32:24

Lại Văn Tú - 2024-04-01 08:32:24

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Trần Minh Loan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(71.860.020.483)	22.349.630.251
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		40.803.802.893	32.308.805.649
- Các khoản dự phòng	03		91.820.437.207	495.913.813
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(114.250.000)	2.646.950.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.173.228.817)	(61.097.074.870)
- Chi phí lãi vay	06		39.511.685.191	33.369.589.644
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		90.988.425.991	30.073.814.487
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(265.244.313.234)	(223.096.849.750)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.592.088.007)	(8.389.268.253)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		237.543.373.890	12.500.000.186
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		119.379.989.715	48.898.617.885
- Tiền lãi vay đã trả	14		(40.847.424.116)	(33.411.100.936)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.735.462.881)	(5.806.726.825)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		117.492.501.358	(179.231.513.206)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(61.762.843.294)	(3.459.561.778)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.122.698.945	56.175.189.057
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(131.200.000.000)	(240.035.919.413)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		155.406.427.713	251.425.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.107.217.674)	(29.571.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		8.856.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.676.717.286	15.701.584.694
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.008.217.024)	50.235.292.560



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	3.100.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		2.346.674.904.493	2.825.695.476.691
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.336.876.507.639)	(2.774.180.126.664)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.881.130)	(20.104.428.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.771.515.724	34.510.921.852
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		93.255.800.058	(94.485.298.794)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		122.733.445.778	217.218.744.572
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	215.989.245.836	122.733.445.778

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lại Văn Tú - 2024-04-01 08:32:24

Lại Văn Tú



Lại Văn Tú - 2024-04-01 08:32:24

Lại Văn Tú



Trần Minh Loan



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2023 là 1.427 người (tại ngày 31/12/2022 là 1.520 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở).

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,57%	98,57%	98,57%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Định	Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần MT Gas	Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	67,56%	67,56%	67,56%
4	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Tổ 92, Lô 8 A.1.1, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	80,00%	80,00%	80,00%
5	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	79 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%	97,99%
6	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang (I)	Số 34A, đường Nguyễn Khosá, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	51,00%	51,00%	51,00%
Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)						
6	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%	99,99%
7	Công ty TNHH MTV Minh Gia	Ô 19, Lô B6, Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%	100,00%

(i) Công ty nhận chuyển nhượng 2% vốn góp để nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH Vinh Quang từ 49% lên 51% theo Nghị quyết số 13/2023/HĐQT.NQ-ASP ngày 27/12/2023 của Hội đồng quản trị Công ty. Chi tiết xác định việc hợp nhất kinh doanh tại Thuyết minh số 4.2



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty liên kết						
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina (ii)	826 Đường An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất bình Gas	35,00%	35,00%	35,00%
2	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Xóm 2, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
3	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Số 26, ngõ 29, phố Vinh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
4	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Số 01, KP 2, Xa Lộ Hà Nội, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
5	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Áp 3, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%	49,00%
6	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Số 456C/8, Khu phố Nội Hóa 1, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	35,00%	35,00%	35,00%
7	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	số 133/1A Đỗ Xuân Hợp, Khu phố 2, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	20,00%	20,00%	20,00%
9	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Tầng 3, Khu dịch vụ Sân bay Gia Lâm, Đường Đàm Quang Trung, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	33,00%	33,00%	33,00%
10	Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung (iii)	168 Nguyễn Sắc Kim, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	40,54%	40,54%	40,54%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

- (ii) Công ty có chủ trương thoái vốn tại Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vi Na theo Nghị quyết số 11/2023/HĐQT.NQ-ASP ngày 12/12/2023 của Hội đồng quản trị Công ty. Tại ngày Báo cáo tài chính riêng, các thủ tục để chuyển nhượng vốn đầu tư đang được tiến hành.
- (iii) Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung theo Nghị quyết số 0412/2023/TB CBTT - ASP ngày 4/12/2023 của Hội đồng quản trị Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

4.1 Giả định về hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn 337.946.743.698 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ 84.200.722.522 VND. Giả định về hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo tiền từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, và các khoản tín dụng được tài trợ từ các ngân hàng thương mại.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tái cấu trúc các khoản đầu tư không hiệu quả, cụ thể, trong năm 2023, Công ty đã lên kế hoạch chuyển nhượng các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết hoạt động không hiệu quả, nhằm thu hồi vốn đầu tư và giảm bớt áp lực về quản lý;



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.1. Giá định về hoạt động liên tục (Tiếp theo)

- Tiết giảm chi phí hoạt động, trong đó bao gồm tinh giảm nhân sự tại tất cả Ban chuyên môn của Công ty, chủ động trả các mặt bằng đang thuê mà không sử dụng hết công năng;

- Công ty tiếp tục duy trì được các khoản tín dụng với các ngân hàng thương mại nhằm đảm bảo khả năng thanh toán nợ đến hạn.

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

4.2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4.3. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**4.3 Hợp nhất kinh doanh (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Hợp nhất kinh doanh Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang

Ngày 31/12/2023, Công ty hoàn tất giao dịch nhận chuyển nhượng vốn góp trị giá 56.000.000 VND, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 2% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang. Sau giao dịch này, tỷ lệ vốn nắm giữ và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang tăng từ 49% lên 51%, và Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang trở thành một Công ty con trực tiếp của Công ty. Giao dịch hợp nhất kinh doanh ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị hợp lý tạm thời ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền	977.282.326
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.084.279.616
Trả trước cho người bán ngắn hạn	90.107.326
Phải thu ngắn hạn khác	729.000.000
Hàng tồn kho	5.904.429.525
Chi phí trả trước ngắn hạn	188.068.360
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	14.591.330.993
Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	(8.150.329.694)
Nguyên giá TSCĐ vô hình	43.968.000
Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình	(43.968.000)
Tổng tài sản (A)	21.414.168.452
Phải trả người bán ngắn hạn	13.467.830.003
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	28.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	136.451.864
Phải trả ngắn hạn khác	42.200.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	328.900.000
Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	4.600.000.000
Tổng nợ phải trả (B)	18.575.409.867
Tài sản thuần xác định được (C = A - B)	2.838.758.585
Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần xác định được của Công ty con (51%) D = (C x 51%)	1.447.766.877
Giá phí hợp nhất kinh doanh (E), trong đó:	1.828.000.000
<i>Tiền chi để mua cổ phần trước đó (49%)</i>	<i>1.372.000.000</i>
<i>Tiền chi để mua cổ phần trong năm nay (2%)</i>	<i>456.000.000</i>
Lợi thế thương mại (Thuyết minh 5.15) (G = E - D)	380.233.123



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**4.2 Hợp nhất kinh doanh (Tiếp theo)**

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị hợp lý của giá phí hợp nhất kinh doanh và của tài sản, nợ phải trả xác định được và nợ tiềm tàng của Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang được xác định một cách tạm thời. Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện các thủ tục cần thiết để xác định giá trị hợp lý đối với các số liệu sử dụng cho giao dịch hợp nhất kinh doanh này.

4.4 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của các Công ty con, Công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm.

Khi thanh lý Công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

4.5 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

4.6 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán***Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.7 Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

4.8 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**4.9 Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.10 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

4.11 Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	07 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4.12 Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn tại khu công nghiệp Nam Thăng Long (thời hạn thuê đất đến ngày 09/02/2051), quyền sử dụng đất có thời hạn tại ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (thời hạn sử dụng đất đến ngày 14/01/2061). Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của phần mềm máy tính từ 03 đến 05 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.13 Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoãn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

4.14 Thuế hoạt động

Các khoản thuế hoạt động của Công ty bao gồm thuế mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuế hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

4.15 Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.16 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo lãnh mua LPG

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (LC) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

Tiền thuê tài sản trả trước

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí vỏ chai LPG (vỏ bình Gas)

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG

Giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các Công ty con của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời hạn 10 năm.

4.17 Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.18 Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.19 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.
- Chi phí chiết khấu: trích trước dựa trên doanh thu bán ra, và tỷ lệ tính chiết khấu căn cứ theo Hợp đồng với các khách hàng.

4.20 Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuế tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.21 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.22 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.23 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các hàng hóa khác), doanh thu từ việc phân bổ tiền đặt cọc vỏ bình gas và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ việc phân bổ tiền đặt cọc vỏ bình gas

Hàng năm, Công ty thực hiện quyết toán tiền ký cược vỏ bình gas và phân bổ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 10 năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4.24 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4.25 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

4.27 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4.28 Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	4.011.133.065	4.094.293.075
Tiền gửi ngân hàng	210.513.528.569	81.540.631.619
Tiền đang chuyển	1.464.584.202	682.322.818
Các khoản tương đương tiền	-	36.416.198.266
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	36.416.198.266
Tổng	215.989.245.836	122.733.445.778

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	71.400.000.000	71.400.000.000	90.614.277.028	90.614.277.028
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	71.400.000.000	71.400.000.000	90.614.277.028	90.614.277.028
Tổng	71.400.000.000	71.400.000.000	90.614.277.028	90.614.277.028

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất áp dụng từ 6,7%/năm đến 8,7%/năm.

Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên Hà Nội với giá trị là 30.000.000.000 VND được cầm cố thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trình bày tại Thuyết minh số 5.19.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2023 (VND)				01/01/2023 (VND)				
	Tỷ lệ	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào Công ty liên kết				111.940.555.625		81.416.523.753	103.626.055.625		87.895.758.592
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hongvina	35,00%	35,00%		10.725.395.625	(i)	14.971.135.772	10.725.395.625	(i)	27.408.875.779
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	49,00%		1.470.000.000	(i)	-	1.470.000.000	(i)	573.462.202
Công ty TNHH Dầu tư và phát triển Tân Đại Phát	49,00%	49,00%		2.385.320.000	(i)	-	2.385.320.000	(i)	-
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	49,00%	49,00%		-	-	-	1.372.000.000	(i)	1.397.856.378
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Bè Tu Gas	49,00%	49,00%		7.513.340.000	(i)	-	7.513.340.000	(i)	1.183.371.413
Công ty TNHH LPG Tiên Phát	49,00%	49,00%		2.940.000.000	(i)	1.621.755.833	2.940.000.000	(i)	2.363.321.017
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	35,00%	35,00%		13.650.000.000	(i)	9.749.195.249	13.650.000.000	(i)	9.726.237.814
Công ty Cổ phần LPG Biên Đông	20,00%	20,00%		34.000.000.000	(i)	17.185.293.283	34.000.000.000	(i)	16.168.757.610
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	33,00%	33,00%		20.000.000.000	(i)	18.632.643.616	20.000.000.000	(i)	19.389.463.759
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung						-	9.570.000.000	(i)	9.684.412.620
Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Miền Trung	40,54%	40,54%		19.256.500.000	(i)	19.256.500.000			
Tổng				111.940.555.625		81.416.523.753	103.626.055.625		87.895.758.592

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)				
	Tỷ lệ Vốn năm giữ biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư khác		18.254.000.000	(16.340.000.000)		16.340.000.000		
Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Rạng Đông		9.600.000.000	(i)	(9.600.000.000)	9.600.000.000	(i)	
Đầu tư cửa hàng bán LPG của Công ty Thần Sáng		6.740.000.000	(i)	(6.740.000.000)	6.740.000.000	(i)	
Công ty TNHH LPG Tiến Phát		-	(i)	-	-	(i)	
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	5,80%	1.914.000.000	(i)	-	-	-	
Tổng		18.254.000.000		(16.340.000.000)	16.340.000.000		

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 31/12/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

Các giao dịch với các Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 7.2 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	836.463.678.770	637.379.083.237
Công ty Cổ phần Năng Lượng An Phú	59.956.721.818	57.999.742.525
Công ty TNHH Dầu khí Phát Tiến	99.923.750.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	28.892.655.888	34.499.367.347
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lông Hoàng Anh	12.346.196.223	5.246.164.332
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	12.788.181.808	13.697.857.187
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	7.338.179.159	8.049.529.211
Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung	9.101.555.929	854.326.022
Công ty Cổ Phần Gas Thủ Đức	-	33.340.053.764
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	26.488.590.564	20.478.848.857
Công ty TNHH Hyosung Quảng Nam	-	4.678.385.250
Công ty TNHH Hải Linh	8.188.096.600	8.237.417.200
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	60.106.468.187	48.393.156.515
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Toàn	44.663.787.190	67.579.844.664
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	38.270.228.768	2.786.322.934
Phải thu các đối tượng khác	428.399.266.636	331.538.067.429
Tổng	836.463.678.770	637.379.083.237

*Trong đó:**Phải thu khách hàng là các bên liên quan**278.687.690.835**139.238.305.991**(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)***5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Phương	5.779.640.718	5.779.640.718
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	24.995.000.000	50.200.000.000
Các đối tượng khác	12.968.438.040	6.313.263.946
Tổng	43.743.078.758	62.292.904.664

*Trong đó:**Trả trước cho người bán là các bên liên quan**24.995.000.000**50.200.000.000**(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	10.875.000.000	9.250.000.000
Ông Nguyễn Thế Giáp (i)	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát (ii)	4.275.000.000	6.650.000.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải (vi)	4.000.000.000	-
Dài hạn	13.737.320.000	22.337.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (iii)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang (iv)	-	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (v)	8.217.320.000	8.217.320.000
Ông Nguyễn Hữu Minh Hải (vi)	-	4.000.000.000
Tổng	24.612.320.000	31.587.320.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu về cho vay từ các bên liên quan</i>	<i>18.012.320.000</i>	<i>20.387.320.000</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>		

(i) Khoản cho Ông Nguyễn Thế Giáp vay theo hợp đồng số 26/2019/HĐVT/ASP-NTG ngày 16/5/2019 với số tiền là 2.600.000.000 VND. Lãi suất 5%. Thời hạn vay 12 tháng.

(ii) Khoản cho Công ty TNHH LPG Tiến Phát vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0104/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 01/4/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng cho kỳ đầu từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021, lãi suất các kỳ sau được điều chỉnh ngày 1 tháng 1 hàng năm dương lịch.

(iii) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(iv) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(v) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TDP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.

(vi) Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giảng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.6 Phải thu hác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	80.789.598.644	(1.402.434.632)	42.289.051.860	(1.067.769.848)
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	3.725.000.000	-	3.725.000.000	-
Phải thu ông Lại Văn Tú (i)	400.000.000	-	400.000.000	-
Saisan Co., Ltd. - Phải thu thuế TNCN nộp hộ (ii)	3.618.721.101	-	4.689.142.555	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	831.761.143	-	1.310.439.473	-
Phải thu ông Phạm Huy Hoàng (iii)	-	-	213.360.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	8.885.963.562	-	11.589.545.809	-
Ký cược, ký quỹ	58.342.737.955	-	15.038.492.160	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa	330.740.648	-	319.471.185	-
Phải thu khác	4.654.674.235	(1.402.434.632)	5.003.600.678	(1.067.769.848)
Dài hạn	131.153.446.348	-	54.231.021.203	-
Ký cược, ký quỹ	119.188.446.347	-	48.266.021.202	-
Phải thu Ông Trần Quốc Bửu (iv)	1.185.000.001	-	1.185.000.001	-
Phải thu uỷ thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa (v)	4.780.000.000	-	4.780.000.000	-
Ông Ngô Mạnh Hùng (vi)	6.000.000.000	-	-	-
Tổng	211.943.044.992	(1.402.434.632)	96.520.073.063	(1.067.769.848)

Trong đó:

Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

	4.018.721.101	-	5.120.206.254	-
--	---------------	---	---------------	---

(i) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

(ii) Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd. sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

(iii) Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Phạm Huy Hoàng thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang, Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Thương mại Thành Đạt và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư tại Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang, Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Thương mại Thành Đạt và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát.

(iv) Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

(v) Công ty ủy quyền cho Ông Vũ Thanh Hòa thực hiện mua 16% cổ phần của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.6 Phải thu ngắn hạn khác (Tiếp theo)

(vi) Công ty ủy quyền cho Ông Ngô Mạnh Hùng đại diện đầu tư vào dự án xây dựng kho chứa LPG tại Khu công nghiệp VSIP Nghệ An theo Hợp đồng Ủy thác đầu tư ngày 18/12/2023. Thời gian ủy thác là 2 năm, kể từ ngày 21/12/2023 đến ngày 21/12/2025.

5.7 Nợ xấu

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>				
Gas Thanh Hùng	803.795.007	-	803.795.007	-
DNTN SX TM & XNK Thuận Huy	166.856.123	-	166.856.123	-
Công ty Dầu khí Phương Bắc Vinashin	-	-	1.199.617.606	-
Công ty Cổ phần Gạch Granit Nam Định (i)	22.632.978.051	-	-	-
Số phải thu khách hàng 1311 Gia Định (i)	12.034.838.292	-	-	-
Công ty Cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương (i)	3.825.350.204	-	-	-
Công ty TNHH SEIYO Glassdecorations Việt Nam (i)	3.388.338.906	-	-	-
Nợ xấu của các đối tượng khác (i)	38.554.591.713	-	3.756.283.707	241.354
Tổng	81.406.748.296	-	5.926.552.443	241.354

(i) Trong năm 2023, Công ty và các Công ty con đánh giá các khoản công nợ này không có khả năng thu hồi.

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.434.346.701	-	1.771.928.545	-
Công cụ, dụng cụ	5.963.423.825	-	2.135.432.854	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	989.676.111	-	3.534.846.998	-
Thành phẩm	-	-	2.733.135	-
Hàng hóa	90.918.184.567	-	76.364.172.140	-
Tổng	100.305.631.204	-	83.809.113.672	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	7.116.771.351	8.926.119.357
Chi phí bảo lãnh mua LPG	662.608.447	1.323.051.092
Chi phí sửa chữa	-	30.500.000
Chi phí thuê mặt bằng	1.993.064.423	2.392.196.185
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	693.341.875	854.878.108
Các khoản khác	3.767.756.606	4.325.493.972
Dài hạn	544.752.264.660	662.134.838.009
Chi phí mua vỏ chai LPG (i)	239.598.997.573	290.618.981.373
Chi phí sơn, sửa, kiểm định, thay van chai LPG	53.288.537.650	57.866.299.237
Chi phí thuê kho bãi	7.125.600.000	3.201.680.000
Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG (ii)	225.733.917.950	293.352.519.237
Các khoản khác	19.005.211.487	17.095.358.162
Tổng	551.869.036.011	671.060.957.366

(i) Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

(ii) Trình bày giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các Công ty con của Công ty.

5.10 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
Phải nộp	26.246.077.740	117.065.763.985	129.463.627.522	13.848.214.203
Thuế giá trị gia tăng	12.341.312.836	94.694.987.615	95.365.626.009	11.670.674.442
Thuế xuất, nhập khẩu	615.787.956	15.720.796.479	16.336.584.435	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.802.337.821	2.806.044.708	13.735.462.881	1.872.919.648
Thuế thu nhập cá nhân	486.639.127	2.034.440.678	2.216.459.692	304.620.113
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	1.530.881.820	1.530.881.820	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	278.612.685	278.612.685	-
Phải thu	463.292.373	427.467.520	375.502.360	411.327.213
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	2.722.048	100.688.386	135.521.170	37.554.832
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	384.419.856	49.186.272	-	335.233.584
Thuế thu nhập cá nhân	73.150.469	274.592.862	231.981.190	30.538.797
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.000.000	3.000.000	8.000.000	8.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư tại ngày 01/01/2023	47.433.543.516	98.812.654.132	56.952.521.374	7.074.038.551	2.074.966.236	212.347.723.809	
Tăng trong năm	46.908.136.850	576.852.000	26.880.039.605	34.972.727	-	74.400.001.182	
Mua trong năm	46.908.136.850	576.852.000	11.544.939.717	34.972.727	-	59.064.901.294	
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	14.591.330.993	-	-	14.591.330.993	
Tăng khác	-	-	743.768.895	-	-	743.768.895	
Giảm trong năm	(9.809.578.658)	(590.606.811)	(3.493.197.152)	-	-	(13.893.382.621)	
Thanh lý, nhượng bán	(9.809.578.658)	(590.606.811)	(3.493.197.152)	-	-	(13.893.382.621)	
Số dư tại ngày 31/12/2023	84.532.101.708	98.798.899.321	80.339.363.827	7.109.011.278	2.074.966.236	272.854.342.370	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại ngày 01/01/2023	42.500.913.328	66.565.344.718	50.572.792.483	4.264.686.782	2.059.693.736	165.963.431.047	
Tăng trong năm	5.059.957.529	4.950.692.044	15.595.464.362	1.213.047.808	15.272.500	26.834.434.243	
Khấu hao trong năm	5.059.957.529	4.950.692.044	6.701.365.773	1.213.047.808	15.272.500	17.940.335.654	
Tăng khác	-	-	743.768.895	-	-	743.768.895	
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	8.150.329.694	-	-	8.150.329.694	
Giảm trong năm	(6.798.715.241)	(893.177.424)	(2.552.837.345)	-	-	(10.244.730.010)	
Thanh lý, nhượng bán	(6.798.715.241)	(893.177.424)	(2.552.837.345)	-	-	(10.244.730.010)	
Số dư tại ngày 31/12/2023	40.762.155.616	70.622.859.338	63.615.419.500	5.477.734.590	2.074.966.236	182.553.135.280	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2023	4.932.630.188	32.247.309.414	6.379.728.891	2.809.351.769	15.272.500	46.384.292.762	
Tại ngày 31/12/2023	43.769.946.092	28.176.039.983	16.723.944.327	1.631.276.688	-	90.301.207.090	

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 77.875.572.081 VND (tại ngày 01/01/2023: 74.225.042.185 VND).
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được sử dụng là tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2023 là 8.618.319.595 VND (tại ngày 01/01/2023: 11.092.053.194 VND).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.12 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2023	77.003.448.071	16.427.978.855	93.431.426.926
Tăng trong năm	-	7.243.085.000	7.243.085.000
Mua trong năm	-	2.697.942.000	2.697.942.000
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang	-	4.501.175.000	4.501.175.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh		43.968.000	43.968.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	77.003.448.071	23.671.063.855	100.674.511.926
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2023	7.400.009.233	3.662.056.549	11.062.065.782
Tăng trong năm	2.111.738.952	3.741.888.324	5.853.627.276
Khấu hao trong năm	2.111.738.952	3.697.920.324	5.809.659.276
Tăng do hợp nhất kinh doanh		43.968.000	43.968.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	9.511.748.185	7.403.944.873	16.915.693.058
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2023	69.603.438.838	12.765.922.306	82.369.361.144
Tại ngày 31/12/2023	67.491.699.886	16.267.118.982	83.758.818.868

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 526.556.977 VND (tại ngày 01/01/2023: 520.756.977 VND).

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án xây dựng tập huấn và triển khai ứng dụng di động	3.015.150.000	5.268.300.000
Tổng	3.015.150.000	5.268.300.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.14 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.913.715.613	3.143.847.775
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.913.715.613	3.143.847.775
<i>Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	9.305.685.464	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
<i>Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	-	-

5.15 Lợi thế thương mại**a. Chi tiết lợi thế thương mại**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	5.032.814.488	11.427.082.105
Các công ty con khác	4.233.218.561	14.512.525.784
Tổng	9.266.033.049	25.939.607.889

b. Biến động của lợi thế thương mại trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá gốc của lợi thế thương mại tại đầu năm	115.929.494.383	115.929.494.383
Số đã phân bổ vào chi phí lũy kế đến đầu năm	(89.989.886.494)	(81.367.497.178)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	380.233.123	-
Số phân bổ vào chi phí trong năm	(17.053.807.963)	(8.622.389.316)
Lợi thế thương mại còn phân bổ cuối năm	9.266.033.049	25.939.607.889

0101P
HỢP TY
KHÍ
TỔNG
VIỆT NAM
VỊT - V

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.16 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	551.860.696.796	551.860.696.796	607.682.055.422	607.682.055.422
Phải trả cho các đối tượng khác	339.521.737.403	339.521.737.403	101.290.801.174	101.290.801.174
Tổng	891.382.434.199	891.382.434.199	708.972.856.596	708.972.856.596
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>3.101.992.899</i>	<i>3.101.992.899</i>	<i>3.069.211.033</i>	<i>3.069.211.033</i>

5.17 Chi phí phải trả

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.457.795.824	2.793.534.749
Trích trước chi phí chiết khấu	310.589.839	1.429.900
Các khoản khác	118.393.770	432.596.565
Tổng	1.886.779.433	3.227.561.214

5.18 Các khoản phải trả khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	37.457.997.812	27.200.259.090
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	14.740.818
Kinh phí công đoàn	483.452.432	422.550.555
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	366.314.573	507.052.829
Cổ tức phải trả	885.420.764	912.301.894
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.035.596.175	20.040.525.024
Chiết khấu phải trả	3.886.018.713	1.338.805.163
Phải trả, phải nộp khác	9.801.195.155	3.964.282.807
Dài hạn	130.356.115.157	61.115.208.052
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	130.356.115.157	61.115.208.052
Tổng	167.814.112.969	88.315.467.142
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>11.828.516.284</i>	<i>8.419.001.818</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023 (VND)		Biến động trong năm (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	690.415.924.269	690.415.924.269	2.400.161.304.493	2.310.522.727.639	600.777.347.415	600.777.347.415
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>618.929.524.269</i>	<i>618.929.524.269</i>	<i>2.328.674.904.493</i>	<i>2.271.586.907.639</i>	<i>561.841.527.415</i>	<i>561.841.527.415</i>
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội	20.450.044.878	20.450.044.878	35.858.058.791	15.408.013.913	-	-
Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	200.617.319.893	200.617.319.893	1.393.158.280.353	1.423.256.229.455	230.715.268.995	230.715.268.995
Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (ii)	262.215.690.140	262.215.690.140	564.114.040.937	498.152.017.358	196.253.666.561	196.253.666.561
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (iii)	135.646.469.358	135.646.469.358	307.110.749.817	289.432.515.758	117.968.235.299	117.968.235.299
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Long Biên (iv)	-	-	28.433.774.595	45.338.131.155	16.904.356.560	16.904.356.560
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>71.486.400.000</i>	<i>71.486.400.000</i>	<i>71.486.400.000</i>	<i>38.935.820.000</i>	<i>38.935.820.000</i>	<i>38.935.820.000</i>
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (v)	9.750.000.000	9.750.000.000	9.750.000.000	8.881.200.000	8.881.200.000	8.881.200.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Ormiyanishi Branch) (vi)	55.087.500.000	55.087.500.000	55.087.500.000	30.054.620.000	30.054.620.000	30.054.620.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Long Biên (vii)	6.320.000.000	6.320.000.000	6.320.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên	328.900.000	328.900.000	328.900.000	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2023 (VND)		Biến động trong năm (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn (trung trước chuyển sang)	690.415.924.269	690.415.924.269	2.400.161.304.493	2.310.522.727.639	600.777.347.415	600.777.347.415
b) Vay dài hạn Saisun Co., Ltd.	82.934.250.000	82.934.250.000	18.000.000.000	97.625.530.000	162.559.780.000	162.559.780.000
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (v)	4.875.000.000	4.875.000.000	-	9.963.800.000	14.838.800.000	14.838.800.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (vi)	41.681.250.000	41.681.250.000	-	76.039.730.000	117.720.980.000	117.720.980.000
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Long Biên (vii)	19.020.000.000	19.020.000.000	-	10.980.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn (viii)	17.358.000.000	17.358.000.000	18.000.000.000	642.000.000	-	-
Tổng	773.350.174.269	773.350.174.269	2.418.161.304.493	2.408.148.257.639	763.337.127.415	763.337.127.415

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

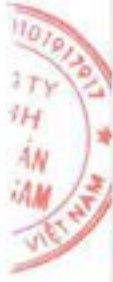
Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Hợp đồng tín dụng tuân hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019, bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ hai ngày 01/3/2021:
- Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh; trong đó, tổng dư nợ của các khoản vay không vượt quá 15.500.000 USD tại mọi thời điểm;
 - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
 - Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động;
 - Lãi suất: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biến cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biến là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
 - Ngày hết hạn giải ngân của Hợp đồng ban đầu: 28/2/2022. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
 - Biện pháp bảo lãnh: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.
- (ii) Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/021/19, và Thông báo gia hạn ngày 15/3/2023 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:
- Hạn mức tín dụng: Tổng số tiền của Hạn mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
 - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
 - Lãi suất vay: 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng.
 - Mục đích của hợp đồng tín dụng: Tài trợ vốn lưu động chung và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
 - Thời hạn rút vốn: Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2023 đến ngày 15/3/2024, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.
 - Biện pháp bảo đảm: khoản vay không có tài sản đảm bảo.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (iii) Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:
 - Hạn mức tín dụng là 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;
 - Thời hạn của các khoản vay không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn;
 - Mục đích : Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay. Điều kiện đảm bảo: Thu tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng. Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;
 - Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.

- (iv) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/963762/HĐTĐ ngày 01/11/2022 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên
 - Hạn mức cấp tín dụng là 200.000.000.000 VND;
 - Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này nhưng không vượt quá ngày 15/8/2023;
 - Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
 - Lãi suất: theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
 - Biện pháp bảo đảm: thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha Hà Nội đứng tên; tài sản cố định hữu hình do Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha Hà Nội sở hữu.

- (v) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020:
 - Số tiền cho vay: 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);
 - Mục đích của khoản vay: cho vay tài cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
 - Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
 - Phương thức trả nợ: Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.
 - Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
 - Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(vi) Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội số 01/2022/3112950/HDTĐ ngày 27/12/2022:

- Số tiền cho vay: 145.000.000.000 VND;
- Mục đích của khoản vay: Đầu tư dự án vỏ bình gas;
- Thời hạn vay: 5 năm;
- Lãi suất vay: Lãi suất cho vay trong hạn theo quy định của BIDV từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Thời hạn rút vốn: Vốn vay được rút một lần hoặc nhiều lần nhưng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực;
- Lịch trả nợ gốc: Khoản vay được trả trong 20 kỳ (mỗi kỳ 03 tháng) vào ngày 25 của tháng cuối cùng mỗi Quý; tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm;
- Biện pháp bảo đảm: cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03/2022/3112590/HDTG ngày 30/11/2022 với số tiền 50.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2022/3112590/HDBĐ ngày 01/12/2022;

(vii) Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản), trong đó bao gồm:

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020:

- Số tiền cho vay: 8.400.000 USD;
- Mục đích của khoản vay: tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
- Ngày hoàn trả đầu tiên: 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên.
- Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 20/01/2021:

- Số tiền cho vay: 2.900.000 USD;
- Mục đích của khoản vay: tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 26/02/2021. Ngày hoàn trả cuối cùng: 26/02/2026;
- Ngày hoàn trả đầu tiên: 31/8/2021. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên, mỗi lần 290.000 USD;
- Lãi suất: 2,38%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần;
- Biện pháp bảo đảm: Khoản vay không có tài sản đảm bảo;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(viii) Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 018/020/23/0000115 ngày 18/9/2023

- Số tiền được vay: hạn mức thấu chi là: 18.000.000.000 VND;
- Mục đích thấu chi: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;
- Lãi suất vay Lãi suất áp dụng cố định trong 1 năm đầu tính từ ngày giải ngân đầu tiên là 8%/năm. Sau thời gian áp dụng lãi suất cố định: Lãi suất cho vay = lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân của Ngân hàng cộng (+) 3,0%/năm nhưng không thấp hơn sản cho vay cùng kỳ hạn theo công bố của Ngân hàng từng thời kỳ. lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng /lần.
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản là 10 bồn chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) mã hiệu: LST-115, chế tạo năm 2005, số chế tạo: CN-05-001 đến CN-05-010 theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 04.20.2023.0423 ngày 18/9/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.20 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	102.085.844.808	14.305.196.149	491.526.339.173
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.514.241.102	12.172.877.298	13.687.118.400
Tăng vốn của cổ đông không kiểm soát tại Công ty con	-	-	-	-	-	3.100.000.000	3.100.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.669.771.000)	(18.669.771.000)	(18.669.771.000)
Công ty mẹ mua lại cổ phần của cổ đông không kiểm soát tại công ty con	-	-	-	-	6.084.583	(7.084.583)	(1.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	740.244.118	-	740.244.118
Số dư tại ngày 31/12/2022	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	85.676.643.611	29.570.988.864	490.382.930.691
Số dư tại ngày 01/01/2023	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	85.676.643.611	29.570.988.864	490.382.930.691
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(83.431.904.385)	(768.818.137)	(84.200.722.522)
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	1.390.991.708	1.390.991.708
Biến vốn trong vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết	-	-	-	-	(11.049.729.314)	-	(11.049.729.314)
Biến động khác do hợp nhất	-	-	-	-	(6.112.362.198)	(3.876.331)	(6.116.238.529)
Số dư tại ngày 31/12/2023	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	(14.917.352.286)	30.189.286.104	390.407.232.034



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	179.984.260.000	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	21.881.000.000	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	171.534.030.000	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
Tổng	37.339.929	100,00%	373.399.290.000	37.339.929	100,00%	373.399.290.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	18.669.771.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu được mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất**a. Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND	Thời điểm xóa nợ
Công ty TNHH TM DV Khí Đốt Nam Việt	2.583.837.341	2.583.837.341	Năm 2020
Tạm ứng dự án Cảng Tân Tập	1.239.222.215	1.239.222.215	Năm 2020
Công ty TNHH Thành Long	262.789.405	262.789.405	Năm 2020
Công ty TNHH SX-XK Gốm Mỹ Nghệ Long Trường	232.379.461	232.379.461	Năm 2020
Công ty TNHH An Hiệp	214.325.059	214.325.059	Năm 2020
Các đối tượng khác	183.603.262	183.603.262	Năm 2020
Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Dầu khí Việt Nam	1.300.000.000	1.300.000.000	Năm 2021
Công ty Cổ phần Năng Lượng Đất Việt	848.863.238	-	Năm 2023
Công ty Dầu khí Phương Bắc Vinashin	1.199.617.606	-	Năm 2023
Công ty Cổ phần Petrolimex	13.238.290	-	Năm 2023
Tổng	8.077.875.877	6.016.156.743	

Các khoản nợ khó đòi nêu trên là các khoản nợ quá hạn thanh toán trên 03 năm, Công ty đã trích lập dự phòng 100% trên số dư nợ gốc. Công ty tiến hành xóa nợ do đã qua 03 năm kể từ thời điểm trích lập dự phòng 100%, Công ty không thu hồi được các khoản nợ phải thu khó đòi này.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán LPG	3.782.550.488.653	4.073.796.382.292
Doanh thu bán hàng khác	9.120.699.283	-
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	12.090.487.167	16.769.471.860
Doanh thu hàng hóa và dịch vụ khác	24.804.577.020	26.047.436.260
Tổng	3.828.566.252.123	4.116.613.290.412

Trong đó:

Doanh thu với các bên liên quan

929.356.738.552

1.022.480.618.857

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chiết khấu thương mại	97.596.637.270	23.944.562.123
Giảm giá hàng bán	852.461.895	15.838.906
Hàng bán bị trả lại	7.424.316.953	10.584.952.517
Tổng	105.873.416.118	34.545.353.546
<i>Trong đó:</i>		
<i>Giảm trừ doanh thu cho các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>34.086.247.231</i>	<i>7.928.156.289</i>

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

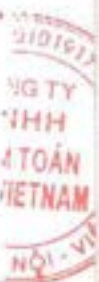
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán LPG	3.676.677.072.535	4.039.251.028.746
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	12.090.487.167	16.769.471.860
Doanh thu hàng hóa và dịch vụ khác	24.804.577.020	26.047.436.260
Tổng	3.722.692.836.005	4.082.067.936.866

6.4 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán LPG	3.286.487.242.185	3.685.717.531.020
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác	44.327.558.319	14.463.671.411
Tổng	3.330.814.800.504	3.700.181.202.431

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.998.038.956	8.084.000.670
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.200.000.000	1.368.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.421.197.397	234.460.964
Doanh thu hoạt động tài chính khác	44.891.620	-
Tổng	14.664.127.973	9.686.461.634
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lãi tiền cho vay từ các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>376.240.343</i>	<i>404.686.985</i>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.6 Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	39.511.685.191	33.369.589.644
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	2.646.950.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.215.306.908	18.292.511.949
Lỗ do chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty liên kế	261.042.027	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	16.340.000.000	-
Chi phí tài chính khác	1.548.000	3.717.629
Tổng	71.329.582.126	54.312.769.222

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí bán hàng	275.867.289.568	273.852.726.352
Chi phí nhân viên	94.047.548.349	102.736.982.177
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	24.653.825.610	25.592.553.205
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	62.856.830.491	47.395.390.013
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.740.031.543	34.077.649.218
Chi phí bán hàng khác	88.569.053.575	64.050.151.739
Chi phí quản lý doanh nghiệp	182.943.723.971	110.728.026.266
Chi phí nhân viên quản lý	33.436.402.709	47.200.694.019
Chi phí vật liệu quản lý	923.900.877	1.669.517.238
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.511.858.301	10.703.970.332
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.643.251.367	3.605.075.978
Phân bổ lợi thế thương mại	17.053.807.963	8.622.389.316
Thuế phí và lệ phí	37.091.545	101.925.286
Chi phí dự phòng	77.542.156.341	495.913.813
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	29.795.254.868	38.328.540.284
Tổng	458.811.013.539	384.580.752.618

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.8 Lợi nhuận khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	474.046.334	46.024.495.110
Thu nhập từ chênh lệch kiểm kê kho chứa hàng và các cửa hàng LPG	2.021.210.635	8.380.559.988
Thanh lý, nhượng bán vỏ bình gas, vật tư, công cụ	1.313.141.541	7.026.284.320
Thu nhập từ chuyển nhượng mảng kinh doanh khách hàng hộ gia đình (i)	59.045.852.273	-
Các khoản khác	4.779.966.158	3.584.207.682
Tổng	67.634.216.941	65.015.547.100
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý tháo dỡ	2.036.809.457	-
Chi phí thanh lý, nhượng bán vỏ bình gas, vật tư, công cụ	691.251.406	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính	875.232.701	369.034.877
Chi phí liên quan đến cửa hàng LPG ngừng hoạt động	6.688.727.077	-
Chi phí khác	4.365.970.146	597.135.291
Tổng	14.657.990.787	966.170.168
Lợi nhuận khác	52.976.226.154	64.049.376.932
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập khác với bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>71.250.000</i>	-

- (i) Thu nhập do Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh, một Công ty con của Công ty, chuyển nhượng mảng kinh doanh khách hàng hộ gia đình Hợp đồng số 01/2023/BMG-PT/LTKD ngày 22/12/2023.

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.845.623.829	12.884.145.176
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	959.260.584	112.008.205
Tổng	2.804.884.413	12.996.153.381

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	9.305.685.464	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	251.690.604	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(21.558.442)	(2.811.915.714)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(1.521.725.816)
Tổng	9.535.817.626	(4.333.641.530)

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	(83.431.904.385)	1.514.241.102
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	(83.431.904.385)	1.514.241.102
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	37.339.542	37.339.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(2.234)	41



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.12 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.326.872.563	227.812.617.255
Chi phí nhân công	127.483.951.058	168.835.293.968
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	40.803.802.893	23.380.444.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.920.186.498	136.599.953.271
Chi phí khác bằng tiền	67.481.213.490	56.070.133.198
Tổng	395.016.026.502	612.698.441.895

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty Cổ phần MT Gas, một Công ty con của Công ty trong năm 2023, đã thực hiện thành công đợt tăng vốn điều lệ trong đợt phát hành chào bán cổ phiếu riêng lẻ từ ngày 05/01/2024 đến ngày 01/02/2024. Sau khi Công ty MT Gas tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu riêng lẻ, tỷ lệ sở hữu cổ phần và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty MT Gas giảm từ 67,56% xuống 40,7%. Do vậy, kể từ ngày 28/02/2024, Công ty MT Gas không còn là Công ty con của Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7.2 Các cam kết

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các cam kết thuê hoạt động không hủy ngang bao gồm thuê kho bãi, thuê văn phòng. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Năm thứ nhất	6.459.336.000	5.866.560.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.848.208.000	15.848.640.000
Tổng	17.307.544.000	21.715.200.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn
2	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết
4	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)
5	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết
6	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết
7	Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết
8	Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết
9	Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết
10	Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Công ty con của Công ty liên kết
11	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)
13	Công ty Cổ phần Thương mại Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết
14	Công ty TNHH Sopot Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng
15	Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại An Toàn	Người có liên quan của Công ty đại chúng
16	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, những người quản lý khác và những thành viên lân cận trong gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác (i)**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch	-	-
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Shimbori Toshiyuki	Thành viên HĐQT (từ ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Hosokoji Yu	Thành viên HĐQT (từ ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên HĐQT (đến ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Trần Minh Loan	Thành viên HĐQT	-	36.000.000
Tổng		-	36.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Thù lao của thành viên Ủy ban kiểm toán (i)**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Yasuyoshi Kasahara	Chủ tịch (đến ngày 27/6/2023)	-	-
Ông Shimbori Toshiyuki	Chủ tịch (từ ngày 27/6/2023)	-	-
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên (đến ngày 27/6/2023)	-	-
Tổng		-	-

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-ASP ngày 19/4/2023, Công ty không chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ủy ban kiểm toán

Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc	507.573.717	593.410.615
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Hosokoji Yu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 19/4/2023)	-	-
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm cán bộ phụ trách kinh doanh	628.018.483	-
Ông Trần Duy Luân	Giám đốc tài chính (từ ngày 10/7/2023)	493.534.850	-
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Nguyên thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm Trưởng phòng kế toán	613.990.171	750.654.017
Ông Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	483.260.792	543.207.631
Ông Vũ Thanh Hòa	Người phụ trách công bố thông tin	756.430.767	915.366.962
Ông Ngô Mạnh Hùng	Thư ký, người phụ trách quản trị Công ty	302.462.500	-
Tổng		3.785.271.280	2.802.639.225

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023		Năm 2022	
			VND	VND	VND	VND
Mua hàng						
Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn	Phí bảo hiểm	29.588.784.767	46.512.887.747	199.128.062	199.128.062
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Phí bảo lãnh tính dụng	4.125.624.608	2.251.725.956	29.023.200.000	29.023.200.000
Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	73.170.454	416.460.955	-	-
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	Phí thuê kho giri LPG, mua LPG, thuê xe	-	3.277.928.612	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	Cước vận chuyển, thuê xe	2.552.945.448	2.927.945.463	2.622.180.556	2.622.180.556
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Phí vận chuyển, chiết nạp	3.810.081.718	5.072.729.100	181.746.176	181.746.176
Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Công ty con của Công ty liên kết	Mua hàng hóa	3.993.320.900	727.051.524	539.842.867	539.842.867
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	1.557.343.576	-	-	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	Phí chiết nạp, bảo dưỡng vỏ bình gas, mua hàng hóa	727.051.524	-	-	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023		Năm 2022	
			VND	VND	VND	VND
<u>Bán hàng</u>			929.356.738.552	1.022.480.618.857		
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ khác	947.459.747	3.964.244.568		
Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	Bán LPG	54.934.807.830	71.950.863.033		
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	Bán LPG	37.754.456.884	45.873.731.372		
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	Bán LPG và hàng hóa khác	42.931.040.432	72.835.349.380		
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, cho thuê xe	75.914.184.569	94.168.748.049		
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Bán LPG và dịch vụ khác	206.550.978.022	240.070.742.951		
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết		72.201.036.892	91.478.205.528		
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	Bán LPG và dịch vụ khác	210.654.872.920	229.806.633.127		
Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Công ty con của Công ty liên kết	Bán LPG và dịch vụ khác	-	1.621.840.117		
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	Bán LPG	7.849.847.209	168.030.466.322		
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	Bán LPG, cho thuê xe	10.400.745.334	2.679.794.410		
Công ty TNHH Sopot Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng	Bán LPG	184.809.805.816	-		
Công ty Cổ phần Dầu tư Thương mại An Toàn	Người có liên quan của Công ty đại chúng	Bán LPG	24.407.502.897	-		



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023		Năm 2022	
			VND		VND	
<u>Các khoản giảm trừ doanh thu</u>						
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Chiết khấu thương mại	34.086.247.231	7.928.156.289		
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	Chiết khấu thương mại	26.938.249.067	4.301.089.242		
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết	Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán	5.959.474.545	1.795.807.576		
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	Chiết khấu thương mại	740.003.636	1.831.259.471		
			448.519.983	-		
<u>Cho vay</u>						
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Tiền gốc cho vay thu hồi trong năm	2.375.000.000	1.425.000.000		
<u>Các khoản doanh thu tài chính</u>						
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	Lãi vay	376.240.343	404.686.985		
			376.240.343	404.686.985		
<u>Thu nhập khác</u>						
Saisan Co., Ltd.	Cổ đông lớn	Xuất bán vỏ chai LPG	71.250.000	-		
			71.250.000	-		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****c. Số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2023	
		VND	01/01/2023 VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>			
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Công ty liên kết	278.687.690.835	139.238.305.991
Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Công ty liên kết	-	65.786.601
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Công ty liên kết	28.892.655.888	34.499.367.347
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	7.338.179.159	8.049.529.211
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	24.422.300.737	16.981.952.036
Công ty Cổ phần Khí Hóa Lỏng Hoàng Anh	Công ty liên kết	60.106.468.187	48.393.156.515
Công ty Cổ phần LPG Biển Đông	Công ty liên kết	12.346.196.223	5.246.164.332
Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	Công ty con của Công ty liên kết	49.642.042.138	3.703.501.930
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	-	150.869.169
Công ty Cổ phần Năng lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	26.488.590.564	21.293.652.828
Công ty TNHH Sopot Gas One	Người có liên quan của Công ty đại chúng	9.101.555.929	854.326.022
Công ty Cổ phần Dầu tư Thương mại An Toàn	Người có liên quan của Công ty đại chúng	15.685.914.820	-
<u>Trả trước cho người bán ngắn hạn</u>			
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Người có liên quan của Công ty đại chúng	44.663.787.190	-
	Công ty liên kết	24.995.000.000	50.200.000.000
		24.995.000.000	50.200.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<u>Phải thu khác ngắn hạn</u>		
Công ty TNHH LPG Tiến Phát Saisan Co., Ltd.	4.018.721.101	5.120.206.254
Ông Lại Văn Tú	-	31.063.699
	3.618.721.101	4.689.142.555
	400.000.000	400.000.000
<u>Phải thu về cho vay</u>		
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	18.012.320.000	20.387.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	8.217.320.000	8.217.320.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	5.520.000.000	5.520.000.000
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>		
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	4.275.000.000	6.650.000.000
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	3.101.992.899	3.069.211.033
Công ty TNHH Năng lượng Sài Gòn	1.829.750.457	1.730.782.957
Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung	609.386.810	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	-	943.196.076
Công ty TNHH Sopot Gas One	210.070.572	-
	384.790.353	395.232.000
	67.994.707	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3
Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2023		01/01/2023	
		VND	VND	VND	VND
<u>Phải trả khác</u>		11.828.516.284	8.419.001.818		
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Công ty liên kết	1.895.880.000	1.895.880.000		
Công ty TNHH LPG Tiến Phát	Công ty liên kết	9.914.313.254	5.905.935.000		585.594.318
Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung	Công ty liên kết (đến ngày 31/12/2023)	18.323.030		31.592.500	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lại Văn Tú

Lại Văn Tú - 2024-04-01 08:35:35



Lại Văn Tú

Lại Văn Tú - 2024-04-01 08:35:35



Trần Minh Loan



Số: 01/TTr-ĐHĐCĐ

TP.HCM, ngày 28 tháng 06 năm 2024



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán;

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 15 Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hằng năm của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2023).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT**

HOSOKOJI YU

Số: 02/ TT- ĐHĐCĐ

TP.HCM, ngày 28 tháng 06 năm 2024

**TỜ TRÌNH**V/v: **Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023**Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2023;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023, phương án trích lập quỹ và chia cổ tức như sau:

Đvt: VND

	Chỉ tiêu	Số tiền
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(14.917.352.286)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại các năm trước	68.514.522.099
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	(84.431.904.385)
II	Phân phối lợi nhuận	0
1	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	0
2	Trích quỹ đầu tư phát triển	0
3	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt (tỷ lệ 0%)	0
4	Trích lập quỹ thưởng người quản lý Công ty	0

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT****Hosokoji Yu**

Số: 03/TTTr- ĐHĐCĐ

TP.HCM, ngày 28 tháng 06 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

Về: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha.

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023, định hướng phát triển của Công ty năm 2024, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn	TH 20223	KH 2024	
				Giá trị	%/TH2023
1	Doanh thu	Tr đồng	3.722.693	3.414.502	91,72%
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	199.348	160.000	80,26%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	(84.201)	9.000	
4	Cổ tức	%	0	0	0

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT

HOSOKOJI YU

Số: 04/TT-ĐHĐCĐ

TP.HCM, ngày 28 tháng 06 năm 2024



TỜ TRÌNH

V/v: Thù lao Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề thù lao của Hội đồng quản trị, như sau:

Thù lao Hội đồng quản trị năm 2023 như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 0 đồng VND/năm
- Thành viên Hội đồng quản trị : 0 đồng VND/năm
- Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2023 : 0 đồng**

Thù lao Hội đồng quản trị năm 2024 đề nghị như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 0 đồng VND/năm
- Thành viên Hội đồng quản trị : 0 đồng VND/năm
- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị : 334.000.000 VND/năm (*)

(*) Tương ứng khoảng 2.000.000 Yên Nhật theo tỷ giá JPY/VND là 167 do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) công bố vào ngày 07/06/2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT**

HOSOKOJI YU

Số: 05/TTTr- ĐHĐCD

TP.HCM, ngày 28 tháng 06 năm 2024



TỜ TRÌNH

V/v: **Lựa chọn công ty để kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024**

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 đạt hiệu quả cao nhất, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Danh sách Tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán có đủ năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp theo Danh sách nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT**

HOSOKOJI YU

Số: 06/TT-DHĐCĐ

TP.HCM, ngày 28 tháng 06 năm 2024



TỜ TRÌNH

V/v: *Thông qua các giao dịch với bên có liên quan*

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2021/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;

Để thuận tiện trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí và đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp về việc chấp thuận hợp đồng và giao dịch với người có liên quan, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Chấp thuận toàn bộ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha và các tổ chức có liên quan có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh kể từ ngày phát sinh giao dịch đầu tiên đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. (Danh sách các tổ chức này có nội dung giao dịch kèm theo)

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty ký kết và thực hiện các Hợp đồng kinh tế nêu trên, thời gian ủy quyền từ ngày ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua đến ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025.

Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ các quy định khác tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật có liên quan và báo cáo cho cổ đông và Đại hội trong Báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT**

HOSOKOJI YU



PHỤ LỤC: DANH SÁCH CÁC HỢP ĐỒNG ĐÍNH KÈM

Stt	Tên tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số GDKKD	Địa chỉ	Nội dung hợp đồng, giao dịch	Khung hạn mức	Thời gian hiệu lực ký kết hợp đồng
1	Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con trực tiếp	0301687763	Lã Xuân Oai, Khu phố 4, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	a. Mua bán hàng LPG b. Thuê, cho thuê bồn, và/hoặc dịch vụ cầu cảng; c. Thuê, Cho thuê mặt bằng, kho bãi; d. Thuê, Cho thuê các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, các tài sản khác e. Vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố và thế chấp tài sản.	Tổng hạn mức cho hợp đồng/giao dịch tại Mục này không vượt quá 1.000 tỷ đồng/năm	Trong vòng 01 năm kể từ ngày HĐQT thông qua Nghị quyết đến ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025



Số: 07/TT-DHĐCĐ

TP.HCM, ngày 28 tháng 06 năm 2024



TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung, xóa bỏ ngành, nghề kinh doanh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua việc sửa đổi, bổ sung, xóa bỏ ngành, nghề kinh doanh của Công ty để phục vụ cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

1. Danh mục ngành, nghề kinh doanh bổ sung

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
2	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
5	Cho thuê xe có động cơ	7710

2. Danh mục ngành, nghề kinh doanh xóa bỏ

STT	Ngành nghề xóa bỏ	Mã ngành
1	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác Chi tiết: Gia công vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm)	1321

3. Danh mục ngành, nghề kinh doanh sửa đổi

STT	Ngành nghề trước điều chỉnh	Ngành nghề sau điều chỉnh
1	3320: Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí; lắp đặt, bảo dưỡng thang máy, thiết bị ngành xây dựng (không gia công cơ khí)	3320: Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
2	4641: Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Mua bán vải, hàng dệt may	4641: Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Mua bán vải, hàng dệt may

4. Danh mục ngành, nghề kinh doanh sau khi sửa đổi, bổ sung, xóa bỏ như sau:

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất các cấu kiện kim loại <i>Chi tiết: Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn (không sản xuất tại trụ sở)</i>	2511
2	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải. Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường biển.</i>	5012
3	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế <i>Chi tiết: Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở).</i>	1920
4	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép <i>Chi tiết: Mua bán vải, hàng dệt may</i>	4641
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng</i>	4663
6	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh <i>Chi tiết: Sản xuất xà phòng và chất tẩy rửa (không sản xuất tại trụ sở)</i>	2023
7	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện <i>Chi tiết: Chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở)</i>	1629
8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Mua bán cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất.</i>	4669
9	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất thang máy, thiết bị ngành xây dựng (không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở). Sản xuất hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở).</i>	3290
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Mua bán vật tư-thiết bị dầu khí. Mua bán máy móc thiết bị ngành công- nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in). Mua bán vật tư thiết bị hàng hải. Mua bán mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng.</i>	4659
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải. Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ.</i>	4933
12	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
13	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>Chi tiết: Cho thuê kho bãi</i>	5210
14	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu LPG (không hoạt động tại trụ sở)</i>	4661 (Chính)
15	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Chi tiết: Mua bán sắt thép.</i>	4662
16	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết: Mua bán hàng gia dụng</i>	4649
17	Tái chế phế liệu <i>Chi tiết: Phá dỡ tàu cũ (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)</i>	3830
18	Sửa chữa máy móc, thiết bị <i>Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền; sửa chữa thang máy, thiết bị ngành xây dựng (trừ tái chế, phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện).</i>	3312

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
19	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét <i>Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở)</i>	2392
20	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác <i>Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải</i>	4511
21	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản</i>	6810
22	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
23	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
24	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
25	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
26	Cho thuê xe có động cơ	7710

5. Thông qua việc sửa đổi khoản 1 Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty tại Điều lệ Công ty hiện hành như mục 4 nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.
Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT**



HOSOKOJI YU

Số: 08/TT- ĐHĐCD

TP.HCM, ngày 28 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Đại hội đồng cổ đông CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ									
Khoản 1 ĐIỀU 4: Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: - Mua bán vật tư – thiết bị dầu khí - Đại lý kinh doanh xăng dầu, nhớt - Kinh doanh vận tải	Khoản 1 ĐIỀU 4: Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: <table><thead><tr><th>STT</th><th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th><th>Mã ngành</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Sản xuất các cấu kiện kim loại <i>Chi tiết: Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn (không sản xuất tại trụ sở)</i></td><td>2511</td></tr><tr><td>2</td><td>Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương</td><td>5012</td></tr></tbody></table>	STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	1	Sản xuất các cấu kiện kim loại <i>Chi tiết: Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn (không sản xuất tại trụ sở)</i>	2511	2	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012	Căn cứ Nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp nội dung tại Tờ trình số 07/TT- ĐHĐCD ngày 28/6/2024
STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành									
1	Sản xuất các cấu kiện kim loại <i>Chi tiết: Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn (không sản xuất tại trụ sở)</i>	2511									
2	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012									

Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung		Cơ sở căn cứ
<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ và đường biển 	<p><i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải. Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường biển.</i></p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Chiết nạp các sản phẩm dầu khí 	<p>Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế</p> <p><i>Chi tiết: Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở).</i></p>	1920	
<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ lắp đặt, bảo dưỡng các công trình trong ngành dầu khí 	<p>Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép</p> <p><i>Chi tiết: Mua bán vải, hàng dệt may</i></p>	4641	
<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ lắp đặt, bảo dưỡng các công trình trong ngành dầu khí 	<p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p><i>Chi tiết: Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng</i></p>	4663	
<ul style="list-style-type: none"> - Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng dầu khí bằng đường bộ và đường thủy 	<p>Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh</p> <p><i>Chi tiết: Sản xuất xà phòng và chất tẩy rửa (không sản xuất tại trụ sở)</i></p>	2023	
<ul style="list-style-type: none"> - Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị ngành công nông nghiệp và xây dựng, hàng gia dụng 	<p>Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện</p> <p><i>Chi tiết: Chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở)</i></p>	1629	
<ul style="list-style-type: none"> - Gia công mua bán vải, hàng dệt may 	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết: Mua bán cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất.</i></p>	4669	
<ul style="list-style-type: none"> - Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải 	<p>Sản xuất khác chưa được phân vào đâu</p> <p><i>Chi tiết: Sản xuất thang máy, thiết bị ngành xây dựng (không gia</i></p>	3290	
<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất vật liệu xây dựng. 			

Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung		Cơ sở căn cứ
<p>xả phòng và các chất tẩy rửa, chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua bán phương tiện vận tải - Kinh doanh bất động sản - Sản xuất lắp đặt sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, mua bán thiết bị ngành xây dựng - Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu LPG - Các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm và phù hợp với định hướng, điều phối của Công ty. 	<p>công cơ khí và sản xuất tại trụ sở). Sản xuất hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở).</p>	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p><i>Chi tiết: Mua bán vật tư-thiết bị dầu khí. Mua bán máy móc thiết bị ngành công- nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in). Mua bán vật tư thiết bị hàng hải. Mua bán mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng.</i></p> <p>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</p> <p><i>Chi tiết: Kinh doanh vận tải. Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ.</i></p>	<p>4659</p> <p>4933</p> <p>3320</p> <p>5210</p> <p>4661</p> <p>(Chính)</p> <p>4662</p> <p>4649</p> <p>3830</p>

Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung		Cơ sở căn cứ
	<i>xi mạ điện tại trụ sở)</i>		
	18	Sửa chữa máy móc, thiết bị <i>Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền; sửa chữa thang máy, thiết bị ngành xây dựng (trừ tái chế, phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện).</i>	3312
	19	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét <i>Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở)</i>	2392
	20	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác <i>Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải</i>	4511
	21	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản</i>	6810
	22	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
	23	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
	24	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
	25	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
	26	Cho thuê xe có động cơ	7710
Khoản 1 ĐIỀU 22: Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông và thể thức lấy ý kiến cổ đông	Khoản 1 ĐIỀU 22: Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để		
bảng văn bản để thông qua quyết	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị		

<p>Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành</p>	<p>Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Cơ sở căn cứ</p>
<p>của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty</p>	<p>quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Định hướng phát triển Công ty;</p> <p>d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm</p> <p>h. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	<p>Căn cứ Điều 147 và Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
<p>Khoản 1 ĐIỀU 26: Thành phần và nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người và có thể thay đổi nhưng không vượt quá mười một (11) người hoặc một số lượng khác tùy theo quy định pháp luật từng thời điểm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm</p>	<p>Khoản 1 ĐIỀU 26: Thành phần và nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế</p>	<p>Căn cứ khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>



Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung	Cơ sở căn cứ
(05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế		

Ủy quyền Hội đồng quản trị cập nhật Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với các nội đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT

HOSOKOJI YU

Số: 09/Tr-ĐHĐCĐ

TP.HCM, ngày 28 tháng 06 năm 2024



TỜ TRÌNH

V/v Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027

Đại hội đồng cổ đông CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Ông Kawamoto Takehiko - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Trần Minh Loan - Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Kasahara Yasuyoshi - Chức vụ: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- Ông Hosokoji Yu - Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét
Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT**

HOSOKOJI YU

Số: 10/TTTr- ĐHĐCĐ

TP.HCM, ngày 28 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH



Vy **Bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027**

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông CTCP Tập đoàn Dầu khí An Pha**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

1. Bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027 như sau:

- Số lượng thành viên HĐQT : 03 người
- Nhiệm kỳ : 2023 – 2027
- Số lượng ứng viên HĐQT tối đa : Không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (Theo Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

2. Thông qua danh sách ứng viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027:

- Ông/Bà ...
- Ông/Bà ...
- Ông/Bà ...

Các nội dung khác liên quan đến bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027 được áp dụng theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT**

HOSOKOJI YU

TP.HCM, ngày 28 tháng 06 năm 2024

DỰ THẢO

Số: 0303224471 - C.T.C
CỘNG TY
CỔ PHẦN
AN PHA
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số ... ngày 28/06/2024

QUYẾT NGHỊ

Ngày 28/06/2024, tại Trụ sở Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An pha – Phòng 805, Tầng 8 tòa nhà Saigon Paragon, số 3 Nguyễn Lương Bằng, Quận 7, TP.HCM, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An pha được tổ chức với sự tham gia của cổ đông sở hữu cổ phần chiếm tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 4: Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 của Công ty đã kiểm toán

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 5: Thông qua Tờ trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2023

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 6: Thông qua Tờ trình thông qua chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 7: Thông qua Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 8: Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 9: Thông qua Tờ trình giao dịch với bên có liên quan

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 10: Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh Công ty

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 11: Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 12: Thông qua Tờ trình Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 13: Thông qua Tờ trình Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027

▪ Thông qua danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

- Ông/Bà (Sơ yếu lý lịch đính kèm)
- Ông/Bà (Sơ yếu lý lịch đính kèm)
- Ông/Bà (Sơ yếu lý lịch đính kèm)
- Ông/Bà (Sơ yếu lý lịch đính kèm)
- Ông/Bà (Sơ yếu lý lịch đính kèm)

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

03224
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỔ PHẦN
TÂN DƯƠNG
I PHA
HỒ CHÍ MINH

KẾT QUẢ BẦU CỬ:

Họ và tên	Chức danh	Số phiếu bầu	Tổng số phiếu
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
	TV HĐQT		
	TV HĐQT		
	TV HĐQT		

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An pha thông qua toàn văn tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- HĐQT.
- Ban Tổng Giám Đốc.
- Thư ký công ty.

**CTCP TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU:

Họ và tên Đại biểu:
Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: phiếu biểu quyết
Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: phiếu biểu quyết
Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: phiếu biểu quyết

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02: Thông qua Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04: Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 của Công ty đã kiểm toán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05: Thông qua Tờ trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06: Thông qua Tờ trình thông qua chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 07: Thông qua Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 08: Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 09: Thông qua Tờ trình giao dịch với bên có liên quan	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 10: Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 11: Thông qua Tờ trình Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 12: Thông qua Tờ trình Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 13: Thông qua Tờ trình Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô: Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 28 tháng 06 năm 2024

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)



PHIẾU BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ MÃ ĐẠI BIỂU:

Họ và tên Đại biểu:

Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: phiếu biểu quyết

Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: phiếu biểu quyết

Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: phiếu biểu quyết

Tổng số lượng phiếu bầu thành viên HĐQT: phiếu bầu

Tôi đồng ý Bầu bổ sung Thành viên HĐQT như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	A	<input type="checkbox"/>	<input type="text"/>
2	B	<input type="checkbox"/>	<input type="text"/>
3	C	<input type="checkbox"/>	<input type="text"/>
4	D	<input type="checkbox"/>	<input type="text"/>

Hướng dẫn:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu. (3 người)
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "Bầu dồn đều phiếu" của các ứng viên tương ứng
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng.

Ngày 28 tháng 06 năm 2024

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)